



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 46

Ngày 15 tháng 7 năm 2011

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

30-6-2011 Quyết định số 43/2011/QĐ-UBND về điều chỉnh Bảng giá đất ở đô thị (Bảng 6) quận 8. 3

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 2

07-6-2011 Quyết định số 05/2011/QĐ-UBND về ban hành Thủ tục - Quy trình liên thông cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và cấp giấy chứng nhận đăng ký mã số Thuế trên địa bàn quận 2. 5

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5

07-7-2011 Quyết định số 02/2011/QĐ-UBND ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 5. 15

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

- 01-7-2011 Quyết định số 10/2011/QĐ-UBND về sửa đổi, bổ sung Điểm b Khoản 2 Điều 3 của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 08/2010/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh về tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Bình Chánh. 24

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 04-7-2011 Quyết định số 3330/QĐ-UBND phê duyệt Chương trình phát triển hoa, cây kiểng trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015. 26
- 04-7-2011 Quyết định số 3331/QĐ-UBND phê duyệt Chương trình mục tiêu, phát triển rau an toàn trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015. 47

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 43/2011/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 6 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về điều chỉnh Bảng giá đất ở đô thị (Bảng 6) quận 8

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất;

Căn cứ Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Thông tư số 145/2007/TT-BTC ngày 06 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất và Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2010/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân thành phố về điều chỉnh Bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh công bố ngày 01 tháng 01 năm 2011;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 3407/TNMT-ĐKKTD ngày 09 tháng 6 năm 2011 về việc điều chỉnh giá đất đường Võ Trú của Bảng giá đất ở đô thị quận 8 theo Quyết định số 89/2010/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay điều chỉnh Bảng giá đất ở đô thị quận 8: Bảng 6 ban hành kèm theo Quyết định số 89/2010/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố, như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	STT THEO QĐ 89	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
			TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5	6
1	89	VÕ TRÚ	TRỌN ĐƯỜNG		5.100

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2010. Các nội dung khác không đề cập đến vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 89/2010/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 2**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 2****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2011/QĐ-UBND

Quận 2, ngày 07 tháng 6 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH**Về ban hành Thủ tục - Quy trình liên thông
cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và
cấp giấy chứng nhận đăng ký mã số Thuế trên địa bàn quận 2****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 2**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Thông tư số 85/2007/TT-BTC ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế về việc đăng ký thuế;

Căn cứ Quyết định số 181/2003/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy chế thực hiện cơ chế “một cửa” tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 2,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này là Thủ tục - Quy trình liên thông cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và cấp giấy chứng nhận đăng ký mã số Thuế trên địa bàn quận 2.**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký.**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Kinh tế, Trưởng phòng Nội vụ, Thủ trưởng các phòng - ban có liên quan, Chi Cục

trưởng Chi Cục Thuế quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, các tổ chức và cá nhân đăng ký kinh doanh tại quận 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Tất Thành Cang

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỦ TỤC - QUY TRÌNH LIÊN THÔNG
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ MÃ SỐ THUẾ TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN 2
(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/2011/QĐ-UBND
ngày 07 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận 2)

1. MỤC ĐÍCH:

- Nhằm đáp ứng yêu cầu giải quyết hồ sơ hành chính được nhanh chóng, hiệu quả, không gây phiền hà cho nhân dân, tổ chức.

- Đảm bảo quá trình cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế cho hộ kinh doanh cá thể, tổ chức luôn được kiểm soát chặt chẽ, đúng quy trình và thời gian quy định.

2. PHẠM VI ÁP DỤNG:

Lãnh đạo Ủy ban nhân dân quận 2.

Ban chỉ đạo ISO quận.

Văn phòng Ủy ban nhân dân quận (Tổ Tiếp nhận và giao trả hồ sơ).

Phòng Kinh tế quận.

Phòng Văn hóa và Thông tin quận.

Phòng Y tế quận.

Chi Cục Thuế quận 2.

Các tổ chức, cá nhân đăng ký kinh doanh trên địa bàn quận 2.

3. CÁC TÀI LIỆU LIÊN QUAN:

- Điều khoản 7.2; 7.5; 8.2.3/4; 8.3 tiêu chuẩn ISO 9001:2000;

- Quyết định số 06/2007/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận 2 về ban hành Quy trình giải quyết hồ sơ đăng ký kinh doanh và công tác phối hợp cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trên địa bàn quận 2.

3.1. Các quy định về đăng ký thuế:

- Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006;
- Thông tư số 85/2007/TT-BTC ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế về việc đăng ký thuế.

3.2. Các quy định về đăng ký kinh doanh lĩnh vực văn hóa:

- Pháp lệnh Quảng cáo năm 2001;
- Nghị định số 24/2003/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2003 của Chính phủ về quảng cáo;
- Nghị định số 11/2006/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ ban hành về Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng;
- Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện;
- Nghị định số 43/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung danh mục hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh của Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 hướng dẫn thi hành Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện.

3.3. Các quy định về đăng ký kinh doanh lĩnh vực kinh tế:

- Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ;

3.4. Các quy định về đăng ký kinh doanh lĩnh vực y tế:

- Luật Dược ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Pháp lệnh Hành nghề y dược tư nhân số 07/2003/PL-UBTVQH11 ngày 25 tháng 02 năm 2003;
- Nghị định số 103/2003/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh hành nghề y dược tư nhân;

- Nghị định số 79/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Dược;

- Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;

- Thông tư số 01/2004/TT-BYT ngày 06 tháng 01 năm 2004 của Bộ Y tế hướng dẫn về hành nghề y dược tư nhân;

- Thông tư số 02/2007/TT-BYT ngày 24 tháng 01 năm 2007 của Bộ Y tế hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều kiện kinh doanh thuốc theo quy định của Luật Dược và Nghị định số 79/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Dược;

4. NỘI DUNG THỦ TỤC - QUY TRÌNH:

- Quy trình tóm tắt đối với hồ sơ cấp mới: 7 ngày làm việc (kể cả hồ sơ có thẩm định địa điểm):

TT	Trách nhiệm thực hiện	Mô tả công việc	Biểu mẫu áp dụng	Thời gian
1	<p>VP UBND quận 2 (Chuyên viên Tổ tiếp nhận và giao trả hồ sơ).</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận hồ sơ công dân, tổ chức; - Kiểm tra thành phần hồ sơ hợp lệ theo quy định pháp luật; - Kiểm tra mã số thuế: (kiểm tra theo CMND trên website của Tổng Cục Thuế www.gdt.gov.vn); + Đã có MST: hướng dẫn công dân, tổ chức sang Chi Cục Thuế quận 2. + Chưa có MST: hướng dẫn khai thuế theo biểu mẫu. - Cập nhật trên máy; - In biên nhận cho dân, tổ chức; Chuyển hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> + Trên hệ thống mạng (phần mềm); + Hồ sơ gốc cho các phòng chuyên môn; + Hồ sơ gốc cho Chi Cục Thuế. 	<p>* Hồ sơ ĐKKD gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biên nhận hồ sơ; - Giấy đề nghị ĐKKD (theo mẫu quy định). - Phiếu chuyển; - Sổ giao nhận hồ sơ. <p>* Hồ sơ Thuế gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai đăng ký thuế - Giấy đề nghị cấp mã số thuế - Phiếu chuyển; - Sổ giao nhận hồ sơ. <p><i>(Thành phần hồ sơ và biểu mẫu theo quy trình các phòng ban cung cấp).</i></p>	<p>0,5 ngày</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận buổi sáng và chuyển đến phòng, ban vào lúc 11 giờ cùng ngày. - Nhận buổi chiều và chuyển đến phòng, ban vào lúc 16 giờ cùng ngày. - Tờ đăng ký khai thuế, giấy đề nghị cấp mã số thuế chuyển cho Chi Cục Thuế vào sáng ngày hôm sau do giao liên Văn phòng UBND quận chịu trách nhiệm chuyển.

2	<p>2.1. Phòng chuyên môn quận: (Chuyên viên phụ trách đăng ký kinh doanh)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ; - Kiểm tra việc cấp mã số thuế của hộ kinh doanh, tổ chức; - Thẩm định địa điểm kinh doanh (đối với hồ sơ thẩm định) và nhận ý kiến của UBND phường. - Lập thông báo trả hồ sơ (đối với các trường hợp không giải quyết), gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Hộ KD đã được cấp MST. + Không bảo đảm thủ tục và điều kiện kinh doanh. - Thảo tờ trình và dự thảo Giấy CN ĐKKD; - Trình Trưởng phòng; 	<ul style="list-style-type: none"> - Sổ giao nhận hồ sơ; - Hồ sơ Đăng ký; - Biên bản thẩm định; - Thông báo trả hồ sơ; - Tờ trình; - Giấy CN ĐKKD; - Phiếu kiểm soát; - Tờ khai ĐK thuế. 	4 ngày	
	<p>2.2. Chi Cục Thuế: (Viên chức thuế)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận thông tin về hộ kinh doanh trên hệ thống mạng liên thông; - Chuẩn bị việc cấp mã số thuế 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện trên hệ thống. 		
	<p>2.3. Phòng chuyên môn quận: (Trưởng phòng)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra lại hồ sơ; - Ký tờ trình hoặc ký thông báo trả hồ sơ (đối với hồ sơ không đủ điều kiện); - Ký nháy Giấy CN ĐKKD. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ đăng ký; - Thông báo trả hồ sơ; - Tờ trình; - Giấy CN ĐKKD; 		<ul style="list-style-type: none"> - 14 giờ kiểm tra hồ sơ nhận buổi sáng; - 8 giờ kiểm tra hồ sơ nhận buổi chiều hôm trước.
	<p>2.4. Phòng chuyên môn quận (Chuyên viên phụ trách đăng ký kinh doanh)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận hồ sơ từ Trưởng phòng; - Chuyển hồ sơ về Tổ TN&THS thông báo trả hồ sơ đối với hồ sơ không đủ điều kiện. - Kiểm tra hồ sơ và chuyển hồ sơ trình ký cho Văn thư Văn phòng UBND quận (trình lãnh đạo UBND quận ký GCN). - Chuyển dự thảo Giấy CN ĐKKD cho Chi Cục Thuế (trên hệ thống mạng liên thông để Chi Cục Thuế lấy mã số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh). 	<ul style="list-style-type: none"> - Sổ giao nhận hồ sơ; - Hồ sơ đăng ký kinh doanh; - Thông báo trả hồ sơ (hồ sơ không đủ điều kiện). - Tờ trình; - Giấy CN ĐKKD (lãnh đạo UBND quận chưa ký); 		

	<p>2.5. Văn phòng UBND quận: (Tổ Văn thư Văn phòng UBND quận)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận hồ sơ trình ký từ chuyên viên phòng ban chuyên môn; - Chuyển hồ sơ cho chuyên viên Tổ Nghiên cứu tổng hợp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sổ giao nhận hồ sơ với chuyên viên phòng ban chuyên môn; - Sổ giao nhận hồ sơ với chuyên viên Tổ Nghiên cứu Tổng hợp. 		
	<p>2.6. Văn phòng UBND quận (Chuyên viên tổ Nghiên cứu Tổng hợp)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận hồ sơ từ Văn thư Văn phòng UBND quận; - Xem xét hồ sơ kinh doanh: + Đạt: trình lãnh đạo UBND quận ký. + Không đạt: chuyển hồ sơ cho Văn thư Văn phòng UBND quận, chuyển trả phòng chuyên môn, yêu cầu chỉnh sửa lại. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu giao nhận giữa tổ Văn thư Văn phòng UBND quận và tổ Nghiên cứu Tổng hợp Văn phòng UBND quận; - Hồ sơ đăng ký kinh doanh; - Giấy CN ĐKKD; - Công văn; - Phiếu xử lý hồ sơ trình ký (của Tổ nghiên cứu tổng hợp Văn phòng). 		
	<p>2.7. Chi Cục Thuế Viên chức thuế</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận giấy CN ĐKKD (bản thảo) qua hệ thống mạng liên thông; - Thụ lý hồ sơ cấp Mã số thuế; - In giấy chứng nhận đăng ký Mã số thuế; - In công văn; 	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy Chứng nhận đăng ký mã số thuế; - Giấy đề nghị cấp MST; - Tờ khai đăng ký thuế; - Công văn 		
<p>3</p>	<p>Lãnh đạo UBND quận</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xem xét: + Đồng ý: ký duyệt Giấy CN ĐKKD; + Không đồng ý: bút phê và chuyển trả Tổ Tổng hợp Văn phòng UBND quận. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu xử lý hồ sơ trình ký; - Hồ sơ đăng ký giấy CN ĐKKD; 	<p>1 ngày</p>	
<p>4</p>	<p>4.1. Văn phòng UBND quận Chuyên viên tổ Tổng hợp</p>	<p>Nếu lãnh đạo UBND quận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đồng ý: Chuyển hồ sơ đăng ký kinh doanh cho Văn thư Văn phòng. - Không đồng ý: Chuyển cho Văn thư Văn phòng chuyển đến phòng ban chuyên môn theo bút phê chỉ đạo. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sổ giao nhận giữa Văn thư Văn phòng và Tổ nghiên cứu Tổng hợp Văn phòng; - Hồ sơ đăng ký giấy CN ĐKKD. 	<p>1,5 ngày</p>	

<p>4.2. Văn phòng UBND quận (Văn thư Văn phòng)</p>	<p>Hồ sơ đăng ký kinh doanh đã ký duyệt: + Đóng dấu; + Vào sổ; + Chuyển phòng ban chuyên môn. - Hồ sơ chưa ký duyệt: chuyển theo bút phê chỉ đạo của lãnh đạo UBND quận.</p>	<p>- Sổ giao nhận giữa Văn thư Văn phòng và Tổ Nghiên cứu Tổng hợp Văn phòng; - Sổ giao nhận hồ sơ với phòng ban chuyên môn; - Hồ sơ đăng ký giấy CN ĐKKD.</p>	
<p>4.3. Phòng chuyên môn quận (Chuyên viên phụ trách đăng ký kinh doanh)</p>	<p>- Hồ sơ đăng ký kinh doanh đã ký duyệt: + Nhận lại hồ sơ từ Văn thư Văn phòng UBND quận; + Lưu theo quy định; + Chuyển trả Tổ TN&THS Văn phòng UBND quận; + Phản hồi thông tin cấp giấy CN ĐKKD cho Chi Cục Thuế trên hệ thống mạng liên thông. + Chuyển bản sao giấy CN ĐKKD cho Chi Cục Thuế (fax, scan mail, công văn,...) + Chuyển bản sao cho Văn thư Văn phòng UBND quận; - Hồ sơ chưa ký duyệt: thực hiện lại quy trình từ bước 2</p>	<p>- Sổ giao nhận hồ sơ; - Giấy CN ĐKKD.</p>	
<p>4.4. Chi Cục Thuế quận Viên chức thuế</p>	<p>- Trình lãnh đạo Chi Cục Thuế phê duyệt (sau khi Chi Cục Thuế có thông tin cấp giấy CN ĐKKD chính thức trên hệ thống mạng liên thông, fax, scan, công văn từ các phòng chuyên môn quận).</p>	<p>- Giấy Chứng nhận đăng ký mã số thuế; - Tờ khai đăng ký thuế; - Giấy đề nghị cấp Mã số thuế; - Công văn.</p>	
<p>4.5. Chi Cục Thuế (Chi cục trưởng)</p>	<p>- Ký duyệt hồ sơ cấp mã số thuế.</p>	<p>- Giấy Chứng nhận đăng ký mã số thuế; - Tờ khai đăng ký thuế; - Giấy đề nghị cấp Mã số thuế; - Công văn.</p>	

	4.6. Chi Cục Thuế (Viên chức thuế)	- Đóng dấu; - Chuyển hồ sơ cho tổ TN&THS Văn phòng UBND quận.	- Giấy Chứng nhận đăng ký mã số thuế; - Tờ khai đăng ký thuế; - Giấy đề nghị cấp Mã số thuế; - Sổ cấp giấy CN ĐKT		
5	Văn phòng UBND quận Chuyên viên Tổ TN&THS	- Nhận lại kết quả hồ sơ từ phòng ban chuyên môn quận; - Nhận lại kết quả hồ sơ từ Chi Cục Thuế; - Trả kết quả cho công dân, tổ chức: + Giấy CN ĐKKD; + Giấy Chứng nhận đăng ký mã số thuế.	- Giấy CN ĐKKD; - Giấy CN ĐK mã số thuế; - Công văn.		

*** Hồ sơ ngành nghề có thẩm định:**

- Dịch vụ ăn uống bình dân (quán ăn, giải khát).
- Kinh doanh khí đốt các loại.
- Kinh doanh vật liệu xây dựng.
- Dịch vụ Internet, trò chơi điện tử, games online (trò chơi trực tuyến).
- Dịch vụ lưu trú: khách sạn, nhà nghỉ, nhà trọ.
- Dịch vụ hớt tóc.
- Sản xuất: chế biến thực phẩm, gia công cơ khí.
- Dịch vụ giữ xe.
- Dịch vụ Karaoke, vũ trường.
- Dịch vụ xông hơi, xoa bóp (massage).

*** Hồ sơ cấp mới giấy chứng nhận kinh doanh, gồm có:**

STT	LOẠI GIẤY	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh	1	Mẫu theo quy định
2	Giấy CMND	1	Bản sao , thời hạn dưới 15 năm

3	Giấy chứng chỉ hành nghề (đối với những ngành nghề yêu cầu phải có giấy chứng chỉ hành nghề).	1	Bản sao
4	Hợp đồng thuê nhà hoặc giấy Chứng nhận quyền QSHNỞ và SDDỞ hoặc Quyết định cấp số nhà	1	Bản sao (riêng Bản chính chuyên viên tiếp nhận và trả hồ sơ xem trực tiếp, không giữ).

*** Hồ sơ cấp mới Mã số thuế, gồm có:**

STT	LOẠI GIẤY	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Tờ khai đăng ký thuế	2	Mẫu 03-DK-TCT
2	Đơn đề nghị cấp mã số thuế	1	Mẫu quy định
3	Giấy CMND	1	Bản sao

5. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Chi Cục trưởng Chi Cục Thuế, thủ trưởng các phòng trực thuộc quận căn vào quy trình này, tổ chức thực hiện đúng quy định. Trong quá trình thực hiện quy trình, trường hợp các quy định pháp luật có điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi sẽ được điều chỉnh cho phù hợp theo quy định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Tất Thành Cang

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 5****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2011/QĐ-UBND

Quận 5, ngày 07 tháng 7 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 5****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 01/2011/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch quận - huyện;

Xét Báo cáo thẩm định số 474/BC-TP ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Phòng Tư pháp quận 5;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch tại Công văn số 273/BC-TCKH ngày 07 tháng 6 năm 2011 và Trưởng Phòng Nội vụ tại Tờ trình số 569/TTr-NV ngày 29 tháng 6 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 5.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3686/QĐ-UB ngày 22 tháng 10 năm 1996 của Ủy ban nhân dân quận 5 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch và Đầu tư quận 5.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường quận 5 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Sử Ngọc Anh

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 5

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2011/QĐ-UBND
ngày 07 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận 5)*

Chương I

VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Vị trí:

Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 5 là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận 5, chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của Ủy ban nhân dân quận 5; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 5 có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

2. Chức năng:

Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 5 có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận 5 thực hiện quản lý nhà nước về các lĩnh vực: tài chính; tài sản; giá; kế hoạch và đầu tư theo quy định của pháp luật.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Phòng Tài chính - Kế hoạch quận có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Trình Ủy ban nhân dân quận ban hành các quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch 5 năm và hàng năm về phát triển kinh tế xã hội, lĩnh vực tài chính, kế hoạch và

đầu tư; chương trình, biện pháp thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước trong lĩnh vực tài chính, kế hoạch và đầu tư trên địa bàn quận.

2. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; kiểm tra việc thi hành pháp luật về tài chính, kế hoạch và đầu tư trên địa bàn quận; giúp Ủy ban nhân dân quận giải quyết khiếu nại, tố cáo, các tranh chấp theo quy định của pháp luật.

3. Về lĩnh vực tài chính:

a) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị dự toán thuộc quận, Ủy ban nhân dân 15 phường xây dựng dự toán ngân sách hàng năm; xây dựng, trình Ủy ban nhân dân quận dự toán ngân sách quận theo hướng dẫn của Sở Tài chính;

b) Lập dự toán thu ngân sách nhà nước đối với những khoản thu được phân cấp quản lý, dự toán chi ngân sách quận và tổng hợp dự toán ngân sách phường, phương án phân bổ ngân sách quận trình Ủy ban nhân dân quận; lập dự toán ngân sách điều chỉnh trong trường hợp cần thiết để trình Ủy ban nhân dân quận; tổ chức thực hiện dự toán ngân sách đã được quyết định;

c) Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý tài chính, ngân sách, giá, thực hiện chế độ kế toán của chính quyền phường và các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp của nhà nước thuộc quận;

d) Phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc quản lý công tác thu ngân sách nhà nước trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

đ) Thẩm định quyết toán thu, chi ngân sách phường; xét duyệt quyết toán đối với các cơ quan, đơn vị được ngân sách hỗ trợ; lập quyết toán thu, chi ngân sách quận; tổng hợp, lập báo cáo quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn quận và quyết toán thu, chi ngân sách quận (bao gồm quyết toán thu, chi ngân sách quận và quyết toán thu, chi ngân sách phường) và báo cáo Ủy ban nhân dân quận để trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê chuẩn.

Tổ chức thẩm tra, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phê duyệt quyết toán đối với dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận. Thẩm tra, phê duyệt quyết toán các dự án đầu tư bằng nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư xây dựng cơ bản thuộc ngân sách quận quản lý;

e) Quản lý tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc quận quản lý theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính. Thẩm

định, trình Ủy ban nhân dân quận quyết định theo thẩm quyền việc mua sắm, thuê, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu hủy tài sản nhà nước;

g) Quản lý nguồn kinh phí được ủy quyền của cấp trên; quản lý các dịch vụ tài chính theo quy định của pháp luật;

h) Tham mưu Ủy ban nhân dân quận thực hiện công tác quản lý nhà nước về giá theo quy định của Chính phủ và phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố; phối hợp các cơ quan liên quan kiểm tra việc chấp hành niêm yết giá và bán theo giá niêm yết của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hoạt động trên địa bàn. Thực hiện công tác định giá các tài sản liên quan trong tổ tụng hình sự và quy định của Chính phủ;

i) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện chế độ công khai tài chính ngân sách của nhà nước theo quy định của pháp luật;

k) Tổng hợp kết quả thực hiện kiến nghị của thanh tra, kiểm toán về lĩnh vực tài chính ngân sách báo cáo Ủy ban nhân dân quận.

4. Về lĩnh vực kế hoạch và đầu tư:

a) Tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phê duyệt kế hoạch kinh tế xã hội hàng năm (kể cả danh mục các công trình đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn thuộc các nguồn vốn); trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định phân bổ kế hoạch vốn đầu tư xây dựng hàng năm đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân quận;

b) Thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định đầu tư, phê duyệt dự án, phê duyệt kế hoạch đấu thầu và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân quận;

c) Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban chuyên môn cung cấp thông tin dự án, xúc tiến đầu tư, giám sát và đánh giá đầu tư, kêu gọi và tổ chức vận động các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào địa bàn quận; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác kế hoạch và đầu tư tại Ủy ban nhân dân các phường;

5. Được quyền yêu cầu các cơ quan, đơn vị thuộc quận và Ủy ban nhân dân phường cung cấp số liệu có liên quan đến lĩnh vực quản lý thuộc chức năng, nhiệm vụ của Phòng; thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao của Phòng theo quy định của Ủy ban nhân dân quận và các Sở liên quan.

6. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý chuyên môn, nghiệp vụ được giao.

7. Quản lý cán bộ, công chức và tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân quận.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác về quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài chính; kế hoạch và đầu tư theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận và theo quy định của pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ

Điều 3. Tổ chức bộ máy

1. Phòng Tài chính - Kế hoạch có 01 Trưởng phòng và không quá 03 Phó Trưởng phòng.

a) Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và trước pháp luật về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và toàn bộ hoạt động của Phòng;

b) Các Phó Trưởng phòng là người giúp Trưởng phòng phụ trách và theo dõi một số mặt công tác; chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt, một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Phòng;

c) Tùy tình hình thực tế của đơn vị, Trưởng phòng trực tiếp phụ trách hoặc phân công một Phó Trưởng phòng chuyên trách quản lý, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với lĩnh vực tài chính; kế hoạch và đầu tư;

d) Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành và theo quy định của pháp luật;

Việc điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Cán bộ, công chức của Phòng làm công tác quản lý nhà nước về chuyên môn, nghiệp vụ được bố trí tương xứng với nhiệm vụ được giao.

3. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ nêu trên, đặc điểm tình hình cụ thể đơn vị, trình độ, năng lực cán bộ, Phòng Tài chính - Kế hoạch quận tổ chức thành các bộ phận gồm những công chức được phân công đảm nhận các chức danh công việc trên các mặt công tác của Phòng.

Tùy theo quy mô hoạt động và tính chất công việc và nhân sự cụ thể của địa phương, Ủy ban nhân dân quận có thể bố trí cán bộ phụ trách riêng từng lĩnh vực hoặc kiêm nhiệm các lĩnh vực trên cơ sở tinh gọn, hiệu quả và tiết kiệm.

Điều 4. Biên chế

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc, tính chất và đặc điểm công tác tại quận mà số lượng biên chế cụ thể của Phòng Tài chính - Kế hoạch do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định phân bổ trong tổng số biên chế của quận được Ủy ban nhân dân thành phố giao hàng năm sao cho phù hợp, đảm bảo thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 5. Chế độ làm việc

1. Trưởng phòng phụ trách, điều hành các hoạt động của Phòng và phụ trách những công tác trọng tâm. Các Phó Trưởng phòng phụ trách những lĩnh vực công tác được Trưởng phòng phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh.

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Trưởng phòng khác, Phó Trưởng phòng phụ trách chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Trưởng phòng quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Trưởng phòng khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

3. Trong trường hợp Trưởng phòng trực tiếp yêu cầu các chuyên viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Trưởng phòng, yêu cầu đó được thực hiện nhưng chuyên viên đó phải báo cáo cho Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách biết.

Điều 6. Chế độ sinh hoạt hội họp

1. Hàng tuần, lãnh đạo Phòng họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Sau khi giao ban lãnh đạo Phòng, các bộ phận họp với Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai công tác và thống nhất lịch công tác.

3. Mỗi tháng họp toàn thể cán bộ, công chức Phòng một lần.

4. Mỗi thành viên trong từng bộ phận có lịch công tác do lãnh đạo Phòng trực tiếp phê duyệt.

5. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan, thể hiện trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được Phòng chuẩn bị chu đáo để giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Phòng.

Điều 7. Mọi quan hệ công tác

1. Đối với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Phòng Tài chính - Kế hoạch chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư; thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2. Đối với Ủy ban nhân dân quận:

Phòng Tài chính - Kế hoạch chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng, Trưởng phòng trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch phụ trách khối và phải thường xuyên báo cáo với Ủy ban nhân dân quận về những mặt công tác đã được phân công;

Theo định kỳ phải báo cáo với Ủy ban nhân dân quận về nội dung công tác của Phòng và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

3. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân quận:

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng, nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân quận, nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị, kế hoạch kinh tế - xã hội của quận. Trong trường hợp Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định.

4. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận:

Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, phường, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của Phòng, Trưởng phòng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

5. Đối với Ủy ban nhân dân các phường:

a) Phối hợp hỗ trợ và tạo điều kiện để Ủy ban nhân dân các phường thực hiện các nội dung quản lý nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Phòng;

b) Hướng dẫn cán bộ, công chức Tài chính - Kế toán phường về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực công tác do Phòng quản lý.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Căn cứ Quy chế này, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch quận có trách nhiệm cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của Phòng, quyền hạn, trách nhiệm, chức danh công chức của Phòng phù hợp với đặc điểm của địa phương, nhưng không trái với nội dung Quy chế này, trình Ủy ban nhân dân quận quyết định để thi hành.

Điều 9. Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Ủy ban nhân dân quận có trách nhiệm thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch sau khi được Ủy ban nhân dân quận quyết định ban hành. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì nghiên cứu đề xuất, kiến nghị với Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Sử Ngọc Anh

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2011/QĐ-UBND

*Bình Chánh, ngày 01 tháng 7 năm 2011***QUYẾT ĐỊNH**

Về sửa đổi, bổ sung Điểm b Khoản 2 Điều 3 của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 08/2010/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh về tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Bình Chánh

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 2001/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về kiện toàn tổ chức bộ máy các Ban Quản lý dự án;

Căn cứ Quyết định số 92/2009/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 2800/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh về thành lập Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Bình Chánh;

Căn cứ Quyết định số 08/2010/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Bình Chánh;

Xét đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Bình

Chánh tại Công văn số 466/BQLĐT XDCT ngày 07 tháng 6 năm 2011; của Trưởng Phòng Nội vụ, tại Tờ trình số 285/TTr-NV ngày 15 tháng 6 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điểm b Khoản 2 Điều 3 của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 08/2010/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh về tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Bình Chánh, như sau:

b) Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình Huyện được tổ chức thành các Tổ:

- Tổ Quản lý dự án các công trình trọng điểm;
- Tổ Quản lý công trình dân dụng và quy hoạch;
- Tổ quản lý công trình giao thông - thủy lợi;
- Tổ Hành chính - văn thư;
- Tổ Tài chính - Kế toán;
- Tổ Kế hoạch - Tổng hợp

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế Điểm b Khoản 2 Điều 3 của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 08/2010/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2010. Các nội dung khác không đề cập trong Quyết định này vẫn thực hiện theo Quyết định số 08/2010/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Huyện ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Bình Chánh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Huyện, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Tư pháp, Giám đốc Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình Huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã - thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Trọng Tuấn

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3330/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 7 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH**Phê duyệt Chương trình phát triển hoa, cây kiểng
trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X;

Căn cứ Quyết định 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt “Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”;

Căn cứ Quyết định số 2011/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt “Đề án phát triển nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”;

Căn cứ Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Chương trình ứng dụng và phát triển công nghệ sinh học phục vụ nông nghiệp - nông thôn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 13/2011/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt Chương trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020”;

Xét Tờ trình số 877/TTr-SNN-NN ngày 20 tháng 6 năm 2011 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Chương trình phát triển hoa, cây kiểng trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Chương trình phát triển hoa, cây kiểng trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015.

Điều 2.

- Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố phối hợp với các Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường quy hoạch, xác định các vùng sản xuất hoa, cây kiểng tập trung cụ thể theo từng giai đoạn; hướng dẫn các quận, huyện tổ chức lập và phê duyệt quy hoạch chi tiết các vùng sản xuất cho từng loại hoa, cây kiểng trên địa bàn; xây dựng và triển khai các chương trình, đề án, kế hoạch hàng năm, 5 năm đảm bảo nhiệm vụ, mục tiêu của chương trình; chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, các quận, huyện có sản xuất hoa kiểng nghiên cứu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố ban hành hoặc điều chỉnh cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hoa, cây kiểng.

- Ủy ban nhân dân các quận, huyện có sản xuất hoa, cây kiểng khẩn trương lập quy hoạch chi tiết các vùng sản xuất hoa, cây kiểng trên địa bàn quản lý theo Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố; tổ chức phổ biến, công khai các quy hoạch được phê duyệt, đồng thời chịu trách nhiệm quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phục vụ sản xuất hoa, cây kiểng; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình phát triển hoa, cây kiểng hàng năm trên địa bàn.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các quận, huyện và Sở, ngành liên quan cân đối, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố phân bổ kế hoạch vốn đầu tư, dự toán chi ngân sách hàng năm đảm bảo tiến độ thực hiện Chương trình phát triển hoa, cây kiểng giai đoạn 2011 - 2015.

- Sở Khoa học và Công nghệ xét duyệt, triển khai các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học cấp thành phố phục vụ Chương trình phát triển hoa, cây kiểng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện có sản xuất hoa, cây kiểng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Trung Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH

Phát triển hoa, cây kiểng trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3330/QĐ-UBND
ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN HOA, CÂY KIỂNG GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

1. Sự cần thiết:

- Sự phát triển nông nghiệp đô thị của thành phố Hồ Chí Minh có đặc thù khác so với nông nghiệp truyền thống, do thực trạng đất nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp. Vì vậy, phải tập trung sản xuất cây, con có giá trị kinh tế cao nhằm đảm bảo tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông nghiệp, nâng cao thu nhập cho người nông dân, việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng là một yêu cầu cấp thiết. Trước thực tế đó, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 718/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2004 về phê duyệt chương trình mục tiêu phát triển hoa, cây kiểng giai đoạn 2004 - 2010, Quyết định này đã xác định hoa kiểng là một trong những cây trồng có giá trị kinh tế cao, phù hợp với sự phát triển của nền nông nghiệp đô thị.

- Giai đoạn 2011 - 2015, thành phố tập trung triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần XI, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần IX với mục tiêu nhiệm vụ chung là khai thác tốt nhất tiềm năng, lợi thế, tập trung các nguồn lực để đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tốc độ và chất lượng tăng trưởng kinh tế; tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Phát triển nông nghiệp đô thị hiện đại, bền vững, tăng cường ứng dụng công nghệ sinh học, tập trung sản xuất cây giống, con giống, rau an toàn, hoa kiểng, cá cảnh.

- Phát triển hoa, cây kiểng là một hướng đi đúng, phù hợp với nền nông nghiệp đô thị; giúp cho người nông dân thành phố tăng thu nhập và đảm bảo giá trị sản xuất nông nghiệp. Trong thời gian qua, chương trình hoa, cây kiểng đã được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các Sở, ngành, quận, huyện thực hiện có hiệu quả. Diện tích hoa, cây kiểng giai đoạn 2003 - 2010 tăng từ 665 ha lên 1.910 ha,

tăng 187,2%; giá trị sản xuất hoa, cây kiểng tăng từ 69,8 tỷ đồng năm 2005 lên 456,44 tỷ đồng năm 2010, tăng hơn 6,5 lần so với năm 2005.

- Tuy nhiên, hiện trạng sản xuất hoa kiểng thành phố vẫn còn nhỏ lẻ do điều kiện đất đai manh mún nên khó áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến, chưa tạo sản phẩm có tính cạnh tranh cao, khó đáp ứng các đơn đặt hàng xuất khẩu với số lượng lớn hàng hóa. Do đó, việc xây dựng chương trình hoa, cây kiểng giai đoạn 2011 - 2015 là việc làm cần thiết nhằm duy trì và phát triển hoa, cây kiểng một cách bền vững, phù hợp phát triển nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố trong thời gian sắp tới.

2. Cơ sở pháp lý thực hiện chương trình:

- Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X;

- Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt “Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”;

- Quyết định số 2011/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt “Đề án phát triển nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”;

- Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Chương trình ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ nông nghiệp - nông thôn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025;

- Quyết định số 13/2011/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Chương trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015;

- Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020.

II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG SẢN XUẤT - KINH DOANH HOA, CÂY KIỂNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2004 - 2010

1. Tình hình sản xuất hoa, cây kiểng:

1.1. Hoa lan:

- Diện tích hoa lan đến cuối năm 2010 là 190 ha, tăng 170 ha so với năm 2003 và đạt 95% mục tiêu chương trình phát triển hoa, cây kiểng giai đoạn 2004 - 2010. Hoa lan được trồng ở hầu hết các quận, huyện, ngay cả địa bàn có khó khăn về nguồn nước ngọt như Nhà Bè (2 ha), huyện có diện tích trồng lan lớn nhất là Củ Chi (50 ha). Sản lượng hoa lan cung ứng hàng năm khoảng 2,3 triệu chậu và 2,7 triệu cành với giá trị sản lượng khoảng 123,4 tỷ đồng.

- Theo số liệu điều tra của Trung tâm Khuyến nông năm 2010, trên địa bàn thành phố có 771 hộ trồng lan, qui mô sản xuất từ 50 m² đến 3 ha, bình quân 2.200 m²/hộ, qui mô dưới 500 m² có 131 hộ; từ 500 - 1.000 m² có 231 hộ; từ trên 1.000 m² có 401 hộ.

- Chủng loại lan trồng khá phong phú gồm *Mokara*, *Dendrobium*, *Catleya*, *Vanda*, *Phalaenopsis*, *Oncidium*, trong đó hai giống lan được trồng nhiều nhất là *Mokara* và *Denbrobium*.

- Một số mô hình sản xuất hoa lan với qui mô lớn, có hiệu quả cao như: Vườn lan Trần Ngọc Tuyết: qui mô 2 ha tại huyện Củ Chi, doanh thu ước khoảng 4 tỷ đồng/năm; Vườn lan Tân Xuân: qui mô 2,5 ha tại huyện Hóc Môn, doanh thu ước khoảng 4 tỷ đồng/năm; Vườn lan Kiều Lương Hồng: qui mô 1 ha tại huyện Bình Chánh, doanh thu ước khoảng 2,1 tỷ đồng/năm.

1.2. Cây mai:

- Diện tích sản xuất mai đến năm 2010 là 525 ha, tăng 335 ha so với năm 2003 và đạt 208% so với mục tiêu chương trình phát triển hoa kiểng giai đoạn 2004 - 2010, sản lượng mai ghép cung ứng hàng năm 1,5 triệu chậu với giá trị sản lượng ước đạt 477 tỷ đồng.

- Theo số liệu điều tra của Trung tâm Khuyến nông năm 2010, trên địa bàn thành phố có 1.425 hộ trồng mai, qui mô từ 50 m² đến 4 ha, bình quân 3.200 m²/hộ. Qui mô sản xuất bình quân của mỗi hộ ở từng quận, huyện cũng rất khác nhau: Củ Chi là huyện có qui mô sản xuất bình quân cao nhất 3.125 m²/hộ, kế đến là quận Thủ Đức 2.285 m²/hộ, hai quận có qui mô sản xuất bình quân thấp nhất là quận 2 với 387 m²/hộ và quận Gò Vấp 449 m²/hộ.

* Nhóm mai ghép:

Tổng số hộ sản xuất là 922 hộ, qui mô dưới 500 m² có 237 hộ; từ 500 - 1.000 m² có 236 hộ; từ 1.000 - 5.000 m² có 343 hộ, từ trên 5.000 m² - 1 ha có 88 hộ và từ 1 ha trở lên có 18 hộ.

*** Nhóm mai nguyên liệu:**

Tổng số hộ sản xuất là 503 hộ, qui mô dưới 1.000 m² có 51 hộ, từ 1.000 - 5.000 m² có 301 hộ, từ trên 5.000 m² - 1 ha có 126 hộ và từ 1 ha trở lên có 25 hộ.

Một số mô hình sản xuất hoa mai với qui mô lớn, có hiệu quả cao như: Vườn mai ghép Nguyễn Thành Sơn (Ba Sơn): qui mô 0,9 ha tại quận Thủ Đức, doanh thu ước khoảng 3 tỷ đồng/năm; Vườn mai ghép Nguyễn Văn Dân (Năm Nga): qui mô 1 ha tại quận Thủ Đức, doanh thu ước khoảng 3,2 tỷ đồng/năm; Vườn mai Kiều Lương Hồng: qui mô 1 ha tại huyện Bình Chánh, doanh thu ước khoảng 1 tỷ đồng/năm.

1.3. Cây kiểng - bonsai:

- Diện tích cây kiểng - bonsai đến năm 2010 là 415 ha (trong đó có 110 ha thuộc Công ty Fosaco và 25 ha thuộc Công ty Công viên cây xanh), tăng 275 ha so với mục tiêu chương trình phát triển hoa kiểng giai đoạn 2004 - 2010, giá trị sản lượng đạt từ 1 - 5 tỷ đồng/1ha; riêng kiểng cổ - bonsai sản lượng cung ứng hàng năm khoảng 600 ngàn chậu, giá trị sản lượng đạt 172,9 tỷ đồng.

- Theo số liệu điều tra của Trung tâm Khuyến nông năm 2010, trên địa bàn thành phố có 1.079 hộ trồng cây kiểng - bonsai, qui mô sản xuất từ 500 m² đến 4 ha, bình quân 2.600 m²/hộ, qui mô từ 500 m² - 1.000 m² có 108 hộ, từ trên 1.000 - 5.000 m² có 701 hộ, từ 5.000 m² - 1 ha có 216 hộ và từ 1 ha trở lên có 54 hộ.

- Chủng loại sản phẩm rất phong phú, từ những loài có nguồn gốc bản địa như: Mai chiếu thủy, cần thăng, kim quất, tùng bách tán, tùng la hán, nguyệt quế, sanh, si, gừa, sộp, da, bồ đề, thiên tuế đến những loài được du nhập từ nước ngoài về như Kim phát tài, cau sâm banh, cau búng, dừa Hawaii, cọ Nam Mỹ, khế Nhật, du, phong, hoàng lan, huyền diệp, dương xỉ, trầu bà đế vương, kim ngân... Bên cạnh đó còn có các sản phẩm: Kiểng công trình và kiểng nội thất chủ yếu do các đơn vị nhà nước (Công ty Công viên cây xanh) và được sản xuất ở hầu hết các quận, huyện. Đa số có nguồn gốc giống nhập từ nước ngoài.

- Bonsai và kiểng cổ là cây kiểng đặc trưng và là thế mạnh của thành phố; tập trung chủ yếu ở quận 12 và Gò Vấp.

Một số mô hình sản xuất cây kiểng - bonsai với qui mô lớn, có hiệu quả cao như: Cơ sở Út Tài: qui mô 1,3 ha tại huyện Củ Chi và quận 12, doanh thu ước khoảng 3 tỷ đồng/năm; Cơ sở Minh Tân: qui mô 4 ha tại huyện Củ Chi, doanh thu ước khoảng 4 tỷ đồng/năm.

1.4. Hoa nền:

- Diện tích gieo trồng hoa nền đến năm cuối 2010 đạt 780 ha, tăng 625 ha so với

năm 2003 và đạt 95% so với mục tiêu chương trình phát triển hoa, cây kiểng giai đoạn 2004 - 2010, phân bố tập trung ở huyện Bình Chánh, huyện Củ Chi và quận 12, sản lượng hoa nền cung ứng hàng năm 6 triệu chậu với giá trị sản lượng đạt 117,7 tỷ đồng.

- Theo số liệu điều tra của Trung tâm Khuyến nông năm 2010, trên địa bàn thành phố có 710 hộ trồng hoa nền, qui mô sản xuất từ 500 m² đến 1 ha, bình quân 1.800 m²/hộ, qui mô dưới 1.000 m² có 241 hộ, từ 1.000 - 5.000 m² có 378 hộ và từ 5.000 m² trở lên có 91 hộ.

- Chúng loại hoa nền được trồng trên địa bàn thành phố khá đa dạng, từ 3 đến 10 loại. Một số loại phổ biến: vạn thọ, sống đời, cúc, hướng dương, cỏ các loại, lá màu, huệ; các giống mới được trồng trong thời gian gần đây: vạn thọ Pháp, vạn thọ Thái, mồng gà, cúc đồng tiền, cúc Tiger.

- Một số mô hình sản xuất hoa nền với qui mô lớn, có hiệu quả cao như: Hộ ông Trương Bá Hàu: qui mô 1,3 ha tại huyện Bình Chánh, doanh thu ước khoảng 300 triệu đồng/năm; hộ ông Nguyễn Minh Thuận: qui mô 0,7 ha tại quận 12, doanh thu ước khoảng 200 triệu đồng/năm; hộ ông Phạm Minh Hải: qui mô 0,5 ha tại huyện Củ Chi, doanh thu ước khoảng 100 triệu đồng/năm.

2. Thực trạng tiêu thụ hoa, cây kiểng:

- Thành phố Hồ Chí Minh vừa là đầu mối cung cấp hoa kiểng cho cả nước và xuất khẩu, vừa là thị trường tiêu thụ hoa kiểng lớn nhất nước với khoảng 1.000 cửa hàng kinh doanh hoa, cây kiểng với nhiều chủng loại phong phú, doanh số ước đạt 600 - 700 tỷ đồng/năm, đã hình thành các địa điểm tiêu thụ tập trung như chợ Hồ Thị Kỷ, chợ Bà Chiểu, Đầm Sen,... Ngoài ra còn hình thành các khu vực tiêu thụ hoa kiểng đặc trưng, đáp ứng nhu cầu thị trường như:

+ Quận Gò Vấp nơi cung ứng các chủng loại hoa kiểng từ giá rẻ đến cao cấp.

+ Quận 12, quận Thủ Đức: Cung ứng các sản phẩm đặc trưng như mai vàng, kiểng bonsai, kiểng cổ...

+ Chợ Hồ Thị Kỷ, Đầm Sen là những chợ đầu mối chủ yếu cung ứng hoa tươi nhập từ các nơi về cho thị trường thành phố.

+ Các cửa hàng của Công ty Đalat Hasfarm cung ứng các sản phẩm hoa tươi ôn đới và á nhiệt đới được sản xuất tại Lâm Đồng.

- Sản lượng hoa, cây kiểng được sản xuất tại thành phố khá lớn: ước khoảng 1,1 triệu chậu và 1,3 triệu cành lan; khoảng 500.000 chậu mai ghép; khoảng 600.000 - 700.000 chậu kiểng - bonsai; khoảng 15 triệu cành hoa nền. Sản lượng hoa, cây kiểng được sản xuất tại thành phố chủ yếu được tiêu thụ tại chỗ thông qua thương lái đến

thu mua hoặc bán lẻ tại vườn, một số ít thông qua thương lái xuất bán ra các tỉnh phía Bắc và xuất khẩu như mai, lan,...

- Thành phố Hồ Chí Minh còn là đầu mối xuất, nhập các chủng loại hoa kiểng, cụ thể:

+ Hoa lan được nhập về thành phố khá lớn, theo kết quả điều tra của Trung tâm Khuyến nông năm 2008, lượng hoa lan cắt cành nhập về thành phố từ nước ngoài và tỉnh Lâm Đồng khá lớn, khoảng 4 triệu cành; lan chậu nhập từ Đài Loan và Trung Quốc khoảng 600.000 chậu. Lượng hoa lan nhập về vừa tiêu thụ tại thành phố và xuất bán ra các tỉnh, chủ yếu các tỉnh phía Nam.

+ Mai ghép được nhập về thành phố khá lớn, chủ yếu từ các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long như Bến Tre, Đồng Tháp và miền Trung như Bình Định. Lượng mai ghép nhập về chủ yếu tiêu thụ tại thành phố và xuất bán ra các tỉnh phía Bắc như Hà Nội, Hải Phòng và một số ít xuất khẩu.

+ Cây kiểng - bonsai được nhập về thành phố với số lượng khá lớn, các chủng loại hoa đặc trưng phía Bắc nhập về để phân phối cho các tỉnh phía Nam, ngược lại các chủng loại hoa đặc trưng phía Nam nhập về thành phố để phân phối cho các tỉnh phía Bắc.

3. Đánh giá kết quả thực hiện một số giải pháp chính của chương trình hoa, cây kiểng giai đoạn 2004 - 2010:

- **Về quy hoạch vùng trồng hoa kiểng:** Ủy ban nhân dân thành phố đã chỉ đạo huyện Củ Chi quy hoạch chi tiết xây dựng khu làng nghề hoa - cây kiểng - cá cảnh tại xã Trung An, huyện Củ Chi (36,4 ha). Bên cạnh đó quận Thủ Đức đã triển khai đề án làng hoa kiểng (chủ yếu là mai vàng) theo Quyết định số 1091/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Về giống:

+ Đã và đang triển khai 7 đề tài liên quan đến công tác giống và tổ chức hệ thống sản xuất cung ứng hoa kiểng như đề tài: Suu tập, chọn tạo, nhập nội, khảo nghiệm và nhân nhanh các giống hoa lan phục vụ thị trường nội địa và xuất khẩu; Nghiên cứu, chọn tạo và dẫn nhập một số loài cây rừng có giá trị nghệ thuật để sản xuất hàng loạt cây kiểng có giá trị kinh tế phục vụ xuất khẩu..., trong đó đề tài Ứng dụng hệ thống cây ngập tạm thời đang được áp dụng vào sản xuất.

+ Công tác suu tập, lai tạo nhân giống được các nghệ nhân, các đơn vị quan tâm tổ chức thực hiện, đã có nhiều giống hoa kiểng quý được suu tập, nhân giống phục vụ mở rộng diện tích hoa kiểng trên địa bàn thành phố.

+ Riêng đối với các giống hoa lan được các viện, trường và nhà vườn áp dụng nhiều biện pháp mới trong sản xuất giống, cung ứng khoảng 500.000 cây/năm giống hoa lan từ nuôi cấy mô, khoảng 430.000 - 450.000 cây/năm giống hoa lan từ nhân vô tính, đáp ứng khoảng 40% nhu cầu, số còn lại phải nhập từ nước ngoài.

+ Trung tâm Công nghệ sinh học đã sưu tập 318 giống lan các loại, trong đó có 80 giống lan rừng quý, hiếm như: *Thanh hạt*, *Huyết nhung vàng*, *Dendrobium Nobile*...; nhập nội 38 giống. Đồng thời tiến hành lai tạo các giống lan mới, thụ phấn 98 cặp, trong đó đã thu hoạch và nuôi cấy *In vitro* 52 cặp. Nhân giống và cung cấp 150.000 cây con cấy mô cung cấp ra thị trường hàng năm, các giống tập trung nhiều nhất là *Renanthera*, *Mokara*, *Cattleya* và *Dendrobium*.

+ Trung tâm Quản lý và Kiểm định giống cây trồng vật nuôi đã sưu tập được 20 giống hoa kiểng gồm: *súng*, *sứ*, *hải đường môn*, *tiểu hồng môn*, *đình lăng lá bạc*, *dừa kiểng*, *địa lan* và một số giống hoa khác. Đồng thời Trung tâm đã tiến hành thử nghiệm thành công tính thích nghi một số giống hoa mới như Cát tường gồm 3 giống (màu trắng, đỏ, hồng), Dạ yên thảo gồm 3 giống.

- **Về nghiên cứu, chuyển giao khoa học kỹ thuật:** Đã triển khai 14 đề tài nghiên cứu và áp dụng trong thực tiễn có hiệu quả cao như đề tài trồng kiểng thủy canh, kỹ thuật canh tác lan *Mokara* không giá thể...; về chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật cho nông dân. Từ năm 2004 - 2010, Trung tâm Khuyến nông đã xây dựng 103 mô hình trình diễn: 73 mô hình hoa lan, 17 mô hình hoa nền, 13 mô hình cây kiểng và 10 mô hình thực nghiệm về hoa và cây kiểng. Đã tổ chức 121 lớp tập huấn cho 4.260 lượt người; 37 cuộc hội thảo với 1.755 lượt người tham dự và 50 cuộc tham quan với 2.170 lượt người tham dự. Ngoài ra, Phân Hội Bonsai Thanh Tâm đã tổ chức huấn luyện về hoa kiểng cho 3.150 lượt người với các chuyên đề về trồng lan, trồng mai, bonsai; Hội Sinh vật cảnh, Hội Hoa lan cây cảnh, Hội Nông dân, Hội Làm vườn và Trang trại, Câu lạc bộ Giao Châu cũng tổ chức hàng trăm lớp tập huấn, huấn luyện, tham quan, hội thảo, tọa đàm về hoa, cây kiểng.

- **Về thị trường xúc tiến thương mại:** Dự án xây dựng Trung tâm triển lãm giao dịch nông sản với qui mô 24 ha tại huyện Củ Chi đang được triển khai thực hiện; tạo điều kiện thuận lợi đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm. Bên cạnh đó, Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ nông nghiệp cũng đã phối hợp với Hội Nông dân thành phố, Hội Sinh vật cảnh thành phố, Hội Làm vườn và Trang trại thành phố,... tổ chức nhiều hoạt động bằng nhiều hình thức như: hỗ trợ các cơ sở sản xuất tham gia hội chợ, triển lãm giới thiệu sản phẩm hoa, cây kiểng ở thành phố và các tỉnh, tham gia Festival Sinh vật cảnh, Hội hoa xuân; tổ chức ký kết hợp đồng tiêu

thụ sản phẩm, xây dựng website và xây dựng thương hiệu cho các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực hoa kiểng đã giúp cho các nghệ nhân thành phố mở rộng thị trường, nâng cao giá trị sản phẩm.

- **Về phát triển kinh tế tập thể:** Tính đến tháng 11 năm 2010, trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có 5 hợp tác xã và 03 tổ hợp tác sản xuất, kinh doanh hoa, cây kiểng; hoạt động của hợp tác xã, tổ hợp tác đã phần nào phát huy sức mạnh tập thể, liên kết được những nông hộ có cùng mục tiêu sản xuất - kinh doanh. Tuy nhiên, hoạt động của một số hợp tác xã, tổ hợp tác vẫn chưa đáp ứng được mục tiêu đề ra.

- **Về cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển:** ngành nông nghiệp, các hội, đoàn thể thành phố đã đẩy mạnh việc thực hiện chính sách vay vốn và hỗ trợ lãi vay để phát triển sản xuất hoa, cây kiểng. Trong đó, chương trình hỗ trợ lãi vay trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố (theo Quyết định số 105/2006/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2006 và Quyết định số 15/2009/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố) đã góp phần đẩy mạnh phát triển hoa, cây kiểng. Từ năm 2006 đến hết năm 2010, đã có 358 hộ vay vốn sản xuất với quy mô 86 ha, tổng vốn đầu tư là 293.612 triệu đồng, tổng vốn vay được hỗ trợ lãi là 165.754 triệu đồng.

4. Nhận xét, đánh giá:

4.1. Những kết quả đạt được:

- Chương trình phát triển hoa, cây kiểng giai đoạn 2004 - 2010 phù hợp với định hướng của thành phố và đáp ứng nguyện vọng của người sản xuất hoa, cây kiểng; số hộ, diện tích, số cơ sở kinh doanh hoa, cây kiểng liên tục tăng qua các năm, cụ thể:

+ Diện tích hoa, cây kiểng thành phố đến cuối năm 2010 đạt 1.910 ha, tăng 1.245 ha so với năm 2003 và vượt 59,2% so với mục tiêu chương trình phát triển hoa, cây kiểng giai đoạn 2004 - 2010; trong đó, hoa lan đạt 190 ha, tăng 850%; mai vàng đạt 525 ha, tăng 176,3%.

+ Giá trị sản xuất hoa, cây kiểng năm 2010 đạt 456,44 tỷ đồng, tăng 386,64 tỷ đồng (hơn 6,5 lần) so với năm 2005.

+ Số hộ sản xuất đạt 3.285 hộ, tăng 1.885 hộ (tăng 134,6%) so với năm 2003.

- Nhiều đề tài về hoa, cây kiểng đã được nghiên cứu và chuyển giao có hiệu quả như: công nghệ nhân giống cây mô, nghiên cứu về bệnh trên hoa lan, quy trình kỹ thuật bón phân, sử dụng giá thể... Từ kết quả nghiên cứu, ngày càng có nhiều mô hình trồng hoa, cây kiểng với qui mô lớn, ứng dụng khoa học công nghệ mới về giống, kỹ thuật canh tác, cơ giới hóa.

- Các giải pháp về giống, chuyển giao kỹ thuật, chính sách cho vay và hỗ trợ lãi

vay, tăng cường xúc tiến thương mại, phát triển kinh tế tập thể đã phát huy tác dụng, đặc biệt chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp phát huy hiệu quả, nhiều hộ nông dân đã mạnh dạn vay vốn đầu tư, mở rộng qui mô sản xuất.

4.2. Tồn tại, hạn chế:

- Thành phố có khoảng 20 đơn vị sản xuất, kinh doanh giống hoa, cây kiểng. Tuy nhiên, số lượng và chất lượng giống vẫn chưa đáp ứng thị trường, hầu hết các giống hoa mới, giống hoa có chất lượng tốt đều phải nhập từ nước ngoài như vạn thọ từ Pháp, các giống hoa lan từ Thái Lan, Đài Loan, Trung Quốc.

- Chi phí đầu tư sản xuất, đặc biệt là chi phí đầu tư hoa lan (*Dendrobium* khoảng 2 tỷ đồng/ha; *Mokara* khoảng 3,7 tỷ/ha) rất cao, thời gian thu hồi vốn dài (khoảng 4 - 5 năm đối với lan *Mokara* và 2 - 3 năm đối với *Dendrobium*) đã ảnh hưởng lớn đến việc mở rộng qui mô sản xuất của nông hộ.

- Do sản xuất không tập trung, quy mô sản xuất nhỏ lẻ nên việc áp dụng các công nghệ tiên tiến còn gặp rất nhiều khó khăn trở ngại, chưa đáp ứng được những hợp đồng tiêu thụ với số lượng lớn.

- Tổ chức sản xuất chưa có sự liên kết chặt chẽ, đặc biệt là vai trò của các tổ hợp tác, hợp tác xã trong việc liên kết, định hướng và tổ chức sản xuất chưa thật sự là nòng cốt để tập hợp các tổ viên, xã viên tham gia sản xuất.

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN HOA, CÂY KIỂNG GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

1. Dự báo khả năng tiêu thụ và khả năng cung ứng hoa, cây kiểng trên địa bàn thành phố:

1.1. Hoa lan:

Theo kết quả khảo sát của Trung tâm Khuyến nông năm 2008, khả năng tiêu thụ của thành phố khoảng 1,7 triệu chậu và 5,3 triệu cành lan các loại; trong đó, thành phố cung ứng được khoảng 1,1 triệu chậu và 1,3 triệu cành lan các loại (lan chậu chiếm khoảng 64,7%, lan cắt cành chiếm khoảng 24,5% tiêu thụ), lượng tiêu thụ còn lại được nhập từ tỉnh Lâm Đồng và các nước như Thái Lan, Đài Loan, Trung Quốc. Để tăng nguồn cung ứng hoa lan, thành phố cần xây dựng vùng sản xuất hoa lan tập trung với diện tích khoảng 400 ha.

1.2. Cây mai:

- Theo kết quả khảo sát của Trung tâm Khuyến nông năm 2010, khả năng tiêu thụ mai ghép của thành phố ước khoảng 600.000 - 700.000 chậu/năm.

- Diện tích sản xuất cây mai của thành phố đến cuối năm 2010 đạt 525 ha, trong đó mai ghép 276,5 ha, sản lượng mai ghép hàng năm khoảng 500.000 chậu; sản lượng mai ghép ngoài cung cấp cho thị trường của thành phố còn cung ứng cho thị trường các tỉnh trong dịp Tết Nguyên đán hàng năm.

- Ngoài ra, hàng năm còn có một lượng lớn mai từ các tỉnh Bến Tre, Đồng Tháp và Bình Định... đưa về thành phố tiêu thụ trong dịp Tết.

1.3. Cây kiểng - bonsai:

- Theo kết quả khảo sát của Trung tâm Khuyến nông năm 2010, khả năng tiêu thụ cây kiểng - bonsai của thành phố ước khoảng 600.000 - 700.000 chậu/năm, chủ yếu cung cấp cho người tiêu dùng của thành phố, một phần cung ứng cho các tỉnh và xuất khẩu.

- Tính đến cuối năm 2010, diện tích cây kiểng - bonsai trên địa bàn thành phố là 415 ha với sản lượng khoảng 600.000 chậu/năm, ngoài ra còn có kiểng, bonsai từ các tỉnh đưa về thành phố.

1.4. Hoa nền:

Theo kết quả khảo sát của Trung tâm Khuyến nông năm 2010, khả năng tiêu thụ hoa nền của thành phố hàng năm ước khoảng 100 triệu cây, cành; trong đó, thành phố cung ứng khoảng 15 triệu cây, cành; nguồn cung ứng còn lại chủ yếu từ các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và tỉnh Lâm Đồng.

2. Mục tiêu chung:

Góp phần thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, thực hiện Chương trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị, nâng cao hiệu quả sản xuất và thu nhập cho người dân.

3. Mục tiêu cụ thể:

- Đến năm 2015 đạt 2.100 ha hoa, cây kiểng, trong đó diện tích hoa lan đạt 400 ha; nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản xuất hoa, cây kiểng trên địa bàn thành phố, đáp ứng thị trường trong nước và hướng tới xuất khẩu.

- Đến năm 2015 đưa vào sản xuất 4 - 5 giống hoa kiểng mới.

- Lập quy hoạch làng nghề hoa kiểng nằm trong quy hoạch phát triển làng nghề nhà vườn kết hợp du lịch sinh thái tại huyện Củ Chi.

- 70% hộ trồng hoa lan có qui mô sản xuất từ 5.000 m² trở lên có áp dụng cơ giới hóa (hệ thống tưới phun sương tiết kiệm nước).

- Hình thành 2 Trung tâm giao dịch hoa kiểng.
- Phân đấu thành lập mới từ 10 hợp tác xã, 15 tổ hợp tác trong lĩnh vực hoa, cây kiểng.

4. Nội dung, quy mô chương trình:

4.1. Quy mô, diện tích:

Phân đấu đến năm 2015, diện tích hoa, cây kiểng đạt 2.100 ha, tăng 190 ha so với năm 2010. Cụ thể như sau:

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN HOA, CÂY KIỂNG ĐẾN NĂM 2015

Đvt: ha

	Quận, huyện	Năm 2010	Năm 2015	
			Hoa nền	Hoa, kiểng lâu năm
1	Thủ Đức	250	20	20
2	Quận 9	80	10	100
3	Quận 12	320	10	280
6	Bình Tân	20	10	10
7	Bình Chánh	320	250	240
8	Củ Chi	515	400	210
9	Hóc Môn	160	100	150
10	Nhà Bè	20	-	100
11	Cần Giờ	-	-	10
12	Các quận còn lại	225	-	20
Tổng cộng		1.910	800	1.300

4.2. Chủng loại:

- Hoa lan: tập trung phát triển hoa *Dendrobium* (đang phát triển mạnh, có tiềm năng xuất khẩu và tiêu thụ nội địa) và *Mokara* (sử dụng cho nhu cầu nội địa).

- Hoa nền: tập trung một số chủng loại có khả năng phát triển lâu dài và có thị trường tiêu thụ, cả xuất khẩu lẫn nội địa như cúc, vạn thọ, huệ, layon nhiệt đới.

- Mai: tập trung phát triển mai ghép, kết hợp với các tỉnh có quỹ đất để sản xuất mai nguyên liệu.

- Kiểng, bonsai: tập trung phát triển các loại cây thành phẩm có giá trị kinh tế

cao và có giá trị thẩm mỹ như mai chiếu thủy, cần thăng, vạn niên tùng, thiên tuế....; liên kết với các tỉnh có quỹ đất để sản xuất cây nguyên liệu.

4.3. Địa bàn:

Tập trung chủ yếu ở huyện Củ Chi và Bình Chánh. Nhà nước đầu tư cơ sở hạ tầng và cho các doanh nghiệp, các đơn vị có năng lực thuê dài hạn để xây dựng những trang trại sản xuất tập trung với quy mô vài ha đến vài chục ha. Chính những trang trại hạt nhân này sẽ là đầu tàu trong việc phát triển ngành hoa kiểng thành phố.

5. Một số giải pháp chính phát triển hoa, cây kiểng:

5.1. Giải pháp quy hoạch vùng sản xuất:

Triển khai thực hiện Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt “Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”. Theo đó, quy hoạch vùng sản xuất hoa, cây kiểng tập trung, chuyên canh đến năm 2015 là 2.100 ha, trong đó:

Huyện Củ Chi: 700 ha, Bình Chánh: 500 ha, Hóc Môn: 250 ha, quận 12: 300 ha, quận Thủ Đức: 180 ha, quận 9: 60 ha, huyện Nhà Bè: 50 ha và các quận, huyện khác là 30 ha.

5.2. Giải pháp kỹ thuật, chuyển giao công nghệ:

- Giống:

+ Tăng cường công tác nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học trong việc chọn tạo, nhân các giống hoa, cây kiểng mới, sạch bệnh, phù hợp với điều kiện của thành phố và thị hiếu người tiêu dùng.

+ Đẩy mạnh nhân nhanh giống đảm bảo chất lượng và số lượng cung ứng cho sản xuất trong và ngoài thành phố. Trong đó, có những giống hoa lan chủ lực của thành phố như *Dendrobium*, *Mokara*.

+ Trung tâm Quản lý và Kiểm định giống cây trồng vật nuôi đẩy mạnh công tác kiểm định giống hoa kiểng và hướng dẫn các đơn vị sản xuất, kinh doanh giống hoa, cây kiểng công bố và đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng giống, tránh thiệt hại cho người trồng.

+ Đẩy mạnh và tăng cường công tác sưu tập, bảo tồn, phục tráng các giống hoa kiểng địa phương.

- Chuyển giao công nghệ:

+ Đẩy mạnh việc ứng dụng kỹ thuật công nghệ tiên tiến và công tác chuyển giao

các tiến bộ khoa học kỹ thuật. Trong đó, tăng cường công tác xây dựng mô hình hoàn chỉnh, áp dụng đồng bộ các giải pháp về giống mới, cơ giới hóa, chăm sóc, sơ chế, bảo quản...

+ Xây dựng chương trình đào tạo, trong đó có tăng cường hợp tác với các nghệ nhân, đơn vị sản xuất kinh doanh hoa kiểng thành công trong và ngoài thành phố, tham gia giảng dạy chuyên giao kỹ thuật trồng, tạo dáng bonsai và một số loại hoa có giá trị; chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh; kỹ thuật xử lý ra hoa; giới thiệu các giống hoa, cây kiểng mới cho người dân đang và sẽ tham gia phát triển sản xuất hoa, cây kiểng ở các vùng chuyên canh của thành phố.

+ Khuyến khích nghiên cứu ứng dụng và triển khai các mô hình sản xuất hoa, cây kiểng ứng phó với biến đổi khí hậu.

5.3. Tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm:

- Tổ chức sản xuất:

+ Đẩy mạnh công tác vận động nông dân tham gia vào hợp tác xã, tổ hợp tác để tăng cường năng lực sản xuất và khả năng cạnh tranh. Tăng cường củng cố, hỗ trợ nâng cao vai trò của các hợp tác xã, tổ hợp tác trong công tác điều hành, quản lý hộ, nghiên cứu thị trường để tiêu thụ sản phẩm.

+ Tăng cường vận động bà con chuyển đổi cơ cấu cây trồng sang các chủng loại hoa kiểng phù hợp, có hiệu quả kinh tế cao; nhằm hình thành khu sản xuất tập trung với quy mô lớn tại Củ Chi, Bình Chánh, Hóc Môn.

+ Đầu tư cơ sở hạ tầng, xây dựng hệ thống giao thông thuận lợi phục vụ sản xuất, vận chuyển, kinh doanh.

+ Xây dựng mô hình trồng hoa kiểng gắn với thực hiện chương trình nông thôn mới, mỗi xã xây dựng một mô hình trồng hoa kiểng ứng dụng tiến bộ kỹ thuật. Xây dựng các vùng trồng hoa kiểng gắn với phát triển du lịch sinh thái.

- Tiêu thụ sản phẩm:

+ Đẩy mạnh xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu cho hoa kiểng thành phố: sớm xây dựng Trung tâm giao dịch và triển lãm tại Củ Chi; phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa các sản phẩm hoa kiểng vào sân bay, nhà hàng, khách sạn.

+ Xây dựng kế hoạch và tổ chức khảo sát, nghiên cứu thị trường hoa kiểng, xác định nhu cầu về chủng loại, giống của người sản xuất và tiêu thụ; xây dựng hệ thống sản xuất, tiêu thụ giữa hợp tác xã, tổ hợp tác, các chợ hoa trong và ngoài thành phố để cung cấp và nắm bắt kịp thời các thông tin về giá cả thị trường cũng như nhu cầu, thị hiếu người tiêu dùng.

+ Tạo điều kiện thuận lợi cho nông dân, nghệ nhân trồng hoa kiểng trên địa bàn thành phố tham gia các hội chợ, hội hoa xuân để quảng bá sản phẩm.

+ Hội Sinh vật cảnh, Hội Hoa lan cây kiểng thành phố, Hội Làm vườn và Trang trại tăng cường hỗ trợ kinh nghiệm sản xuất, liên kết tiêu thụ sản phẩm, giới thiệu và mở rộng thị trường tiêu thụ hoa kiểng.

+ Đẩy mạnh và phát triển thương mại điện tử, công tác cung cấp thông tin thương mại và thị trường: Tiếp tục công tác xây dựng website cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh hoa kiểng.

- Cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển:

+ Nghiên cứu đề xuất các chính sách hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp trên địa bàn thành phố.

+ Tăng cường đầu tư và khai thác các nguồn vốn đầu tư của các dự án nước ngoài, vốn của các doanh nghiệp hợp đồng đầu tư bao tiêu sản phẩm, các nông hộ.

+ Phối hợp với các tổ chức tín dụng, ngân hàng hỗ trợ nhiều hình thức vay vốn khác nhau: thế chấp bằng tài sản, vay theo dự án sản xuất với lãi suất ưu đãi.

+ Các ban, ngành nỗ lực tuyên truyền, hướng dẫn giúp người dân tiếp cận và sử dụng các nguồn vốn trên để phát triển sản xuất.

6. Các chương trình, đề án trọng điểm giai đoạn 2011 - 2015:

Để triển khai chương trình phát triển hoa, cây kiểng, cần thiết phải thực hiện các nội dung sau đây:

6.1. Đề án lai tạo, chọn tạo, nhập nội, thuần hóa và khảo nghiệm các giống hoa, cây kiểng mới phục vụ sản xuất:

- Mục tiêu: Nhằm chọn tạo các giống hoa, cây kiểng có chất lượng, mẫu mã đẹp phù hợp với điều kiện canh tác ở thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận.

- Nội dung: Nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ mới để thực hiện việc lai tạo, chọn tạo, nhập nội, thuần hóa và khảo nghiệm cùng với kỹ thuật canh tác cần thiết.

- Thời gian thực hiện: từ năm 2011 đến năm 2015.

- Tổng kinh phí: 5 tỷ đồng.

- Cơ quan quản lý: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Trung tâm Công nghệ Sinh học.

- Đơn vị phối hợp: Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao, Sở Khoa học

và Công nghệ, Trường Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh, các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

6.2. Chương trình ứng dụng và chuyển giao các công nghệ tiên tiến; xây dựng mô hình hoa, cây kiểng ở các xã nông thôn mới; nhân rộng mô hình, nâng cao hiệu quả sản xuất:

- Mục tiêu: Tăng cường công tác hướng dẫn, chuyển giao các công nghệ tiên tiến phù hợp với điều kiện và trình độ canh tác của nhà vườn trồng hoa, cây kiểng ở thành phố; nhân rộng mô hình, nâng cao hiệu quả sản xuất cho người dân, đặc biệt là các xã thực hiện chương trình nông thôn mới.

- Nội dung: Nghiên cứu xây dựng các quy trình canh tác phù hợp, các công nghệ tiên tiến: trồng không cần đất, hệ thống tưới, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh, xử lý ra hoa..., xây dựng mô hình, tập huấn, chuyển giao ra sản xuất.

- Thời gian thực hiện: từ năm 2011 đến năm 2015.

- Tổng kinh phí: 6 tỷ đồng.

- Cơ quan quản lý: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Trung tâm Khuyến Nông.

- Đơn vị phối hợp: Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao, Sở Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Miền Nam, Chi cục Bảo vệ thực vật, Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ nông nghiệp.

6.3. Đề án xây dựng và đẩy mạnh kênh tiêu thụ, tiếp thị hoa kiểng thành phố:

- Mục tiêu:

+ Xây dựng các kênh tiêu thụ liên kết giữa người sản xuất và nhà phân phối cho hoa, cây kiểng trên địa bàn thành phố.

+ Thực hiện các công tác truyền thông, tiếp thị để nâng cao hiểu biết và gắn kết sản phẩm hoa, cây kiểng với người tiêu dùng.

- Nội dung:

+ Điều tra, xác định kênh tiêu thụ chủ lực cho hoa, cây kiểng trên địa bàn thành phố.

+ Xây dựng kênh tiêu thụ hoa, cây kiểng ổn định, đa dạng thông qua nhà hàng, khách sạn, sân bay...v.v..

+ Đề ra các giải pháp, chính sách hỗ trợ để tăng cường tiêu thụ hoa, cây kiểng.

+ Tổ chức các sự kiện nhân các ngày lễ lớn, hội nghị, buổi giới thiệu sản phẩm hoa, cây kiểng trong các kỳ hội chợ.

+ Thực hiện đa dạng hóa các hoạt động truyền thông, tiếp thị để quảng bá cho hoa, cây kiểng thành phố thông qua Báo, Đài Phát thanh, Truyền hình.

- Thời gian thực hiện: từ năm 2011 đến năm 2015.

- Tổng kinh phí: 5,3 tỷ đồng.

- Cơ quan quản lý: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ nông nghiệp.

- Đơn vị phối hợp: Sở Công thương, Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư, các đơn vị trực thuộc Sở.

6.4. Đề án đào tạo, nâng cao năng lực hoạt động hợp tác xã, tổ hợp tác hoa, cây kiểng:

- Mục tiêu:

Tập trung đào tạo nâng cao trình độ, năng lực quản lý của Ban Chủ nhiệm Hợp tác xã, Tổ hợp tác.

- Nội dung:

+ Đào tạo nâng cao trình độ, năng lực quản lý của 100% Ban Chủ nhiệm Hợp tác xã, Tổ hợp tác.

+ Xây dựng hợp tác xã, tổ hợp tác trở thành đầu mối liên kết hợp tác nhằm liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Phấn đấu 45 - 50% sản phẩm được tiêu thụ thông qua hợp đồng kinh tế.

- Thời gian thực hiện: từ năm 2011 đến năm 2015.

- Tổng kinh phí: 0,5 tỷ đồng.

- Cơ quan quản lý: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Chi Cục Phát triển nông thôn.

- Đơn vị phối hợp: Liên minh Hợp tác xã thành phố, Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ nông nghiệp, các doanh nghiệp kinh doanh, chế biến rau, quả.

7. Tổ chức thực hiện:

7.1. Thời gian thực hiện: Từ năm 2011 đến năm 2015.

7.2. Thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu phát triển rau an toàn giai đoạn 2011 - 2015:

- Trưởng ban: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

- Phó ban: Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, lãnh đạo các Sở, ngành có liên quan.

- Các Ủy viên: Lãnh đạo các quận, huyện có sản xuất hoa, cây kiểng

7.3. Cơ quan thường trực: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

7.4. Cơ quan, đơn vị thực hiện:

- Ủy ban nhân dân các quận, huyện, xã, phường có sản xuất hoa, cây kiểng.

- Các doanh nghiệp, hộ nông dân, hợp tác xã, liên tổ, tổ hợp tác.

- Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

7.5. Các cơ quan phối hợp:

- Các Sở, ngành liên quan: Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Khoa học và Công nghệ.

- Các đoàn thể: Hội Nông dân thành phố, Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thành phố.

- Các trường Đại học, Viện nghiên cứu trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, công ty sản xuất, kinh doanh giống, vật tư nông nghiệp.

7.6. Nhiệm vụ cụ thể các Sở, ngành, quận, huyện:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

+ Phối hợp với các Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường quy hoạch, xác định các vùng sản xuất hoa, cây kiểng tập trung cụ thể theo từng giai đoạn.

+ Hướng dẫn các quận, huyện tổ chức lập và phê duyệt quy hoạch chi tiết các vùng sản xuất cho từng loại hoa, cây kiểng trên địa bàn.

+ Xây dựng và triển khai các chương trình, đề án, kế hoạch hàng năm, 5 năm đảm bảo nhiệm vụ, mục tiêu của chương trình.

+ Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, các quận, huyện có sản xuất hoa, kiểng nghiên cứu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố ban hành hoặc điều chỉnh cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hoa kiểng.

- Ủy ban nhân dân các quận, huyện:

+ Khẩn trương lập và quy hoạch chi tiết vùng sản xuất cho từng loại hoa, cây kiểng theo Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban

nhân dân thành phố về phê duyệt “Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”.

+ Tổ chức phổ biến, công khai các quy hoạch; đồng thời chịu trách nhiệm quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- **Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính:** phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cân đối trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phân bổ nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng; thẩm định và tổng hợp bố trí dự toán hàng năm kinh phí sự nghiệp thực hiện các chương trình, đề án.

- **Sở Khoa học và Công nghệ:** Xét duyệt, triển khai các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học cấp thành phố phục vụ Chương trình phát triển hoa, cây kiểng.

- **Hội Nông dân:** Chỉ đạo đoàn thể các cấp cơ sở tích cực phối hợp với ngành nông nghiệp - phát triển nông thôn và địa phương tuyên truyền, phổ biến, vận động nông dân, hộ sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực hoa, cây kiểng quán triệt và tham gia thực hiện chương trình phát triển hoa kiểng trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015.

- **Hội Sinh vật cảnh, Hội Hoa lan cây cảnh, Hội làm vườn và Trang trại thành phố:** Phối hợp tổ chức tập huấn kỹ thuật nuôi trồng hoa, cây kiểng cho các nông hộ; hỗ trợ, hướng dẫn, tạo điều kiện cho các nhà vườn, nghệ nhân tham gia các hội thi, các buổi tọa đàm, trao đổi kinh nghiệm sản xuất - thị trường tiêu thụ; tích cực đẩy mạnh phong trào nuôi trồng hoa cảnh phục vụ nhu cầu cải tạo môi trường, cảnh quan thành phố, kết hợp du lịch và các dịch vụ liên quan./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Trung Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3331/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 7 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Chương trình mục tiêu, phát triển rau an toàn trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 107/2008/QĐ-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ rau, quả, chè an toàn đến năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X;

Căn cứ Quyết định 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt “Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”;

Căn cứ Quyết định số 2011/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt “Đề án phát triển nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”;

Căn cứ Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Chương trình ứng dụng và phát triển công nghệ sinh học phục vụ nông nghiệp - nông thôn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 13/2011/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2011 của Ủy

ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt Chương trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

Xét Tờ trình số 878/TTr-SNN-NN ngày 20 tháng 6 năm 2011 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển rau an toàn trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Chương trình mục tiêu, phát triển rau an toàn trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015.

Điều 2.

- Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, quận, huyện liên quan và các cơ quan, đơn vị, các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố để triển khai Chương trình mục tiêu phát triển rau an toàn trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015 theo Quyết định phê duyệt.

- Ủy ban nhân dân các quận, huyện có sản xuất rau khẩn trương lập quy hoạch chi tiết các vùng sản xuất rau an toàn trên địa bàn quản lý theo Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố; tổ chức phổ biến, công khai các quy hoạch được phê duyệt, đồng thời chịu trách nhiệm quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phục vụ sản xuất rau an toàn; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển rau an toàn hàng năm trên địa bàn.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các quận, huyện và Sở, ngành liên quan cân đối, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố phân bổ kế hoạch vốn đầu tư, dự toán chi ngân sách hàng năm đảm bảo tiến độ thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển rau an toàn giai đoạn 2011 - 2015.

- Sở Công Thương tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định về kinh doanh rau, quả trên địa bàn thành phố; xây dựng và triển khai kế hoạch xây dựng thương hiệu “chợ kinh doanh rau, quả an toàn”.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện có sản xuất rau chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Trung Tín

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH

Mục tiêu phát triển rau an toàn trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3331/QĐ-UBND
ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN RAU AN TOÀN GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

1. Sự cần thiết:

Từ kết quả thực hiện chương trình mục tiêu phát triển rau an toàn giai đoạn 2006 - 2010 trên địa bàn thành phố cho thấy rằng phát triển rau an toàn là một hướng đi đúng, phù hợp với chủ trương chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi; góp phần tăng giá trị sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố.

Thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển nông nghiệp - nông dân - nông thôn đến năm 2020 phát triển nông nghiệp thành phố theo hướng hiện đại, bền vững, tăng cường ứng dụng công nghệ sinh học, tập trung sản xuất rau an toàn có năng suất, chất lượng hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm là hết sức cần thiết.

Xác định các mục tiêu chương trình phát triển rau an toàn giai đoạn 2011 - 2015 giúp người nông dân định hướng sản xuất, kinh doanh, nâng cao giá trị sản xuất rau và góp phần phát triển nền nông nghiệp bền vững.

2. Cơ sở pháp lý:

- Quyết định số 107/2008/QĐ-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ rau, quả, chè an toàn đến năm 2015;

- Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy về nông nghiệp - nông dân - nông thôn theo Nghị quyết 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X;

- Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt “Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”;

- Quyết định số 2011/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt “Đề án phát triển nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”;

- Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Chương trình ứng dụng và phát triển công nghệ sinh học phục vụ nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025;

- Quyết định số 13/2011/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Chương trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015;

- Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2020.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN RAU AN TOÀN GIAI ĐOẠN 2006 - 2010

Thực hiện chỉ đạo Ủy ban nhân dân thành phố, ngành Nông nghiệp đã phối hợp với các Sở, ngành, quận, huyện tập trung triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển rau an toàn giai đoạn 2006 - 2010, kết quả đạt được như sau:

1. Kết quả thực hiện chương trình rau an toàn trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010:

1.1. Về diện tích, năng suất, sản lượng rau:

Giai đoạn 2006 - 2010, ngành nông nghiệp thành phố đã phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận, huyện có sản xuất nông nghiệp tổ chức thẩm định điều kiện sản xuất rau an toàn; đến cuối năm 2010, đã hoàn thành công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng đất, nước tại các xã, phường, quận, huyện có sản xuất rau trên địa bàn thành phố, kết quả có 2.735 ha trên tổng số 2.840 ha, chiếm 96,3% tổng diện tích canh tác đủ điều kiện sản xuất rau an toàn theo Quyết định số 99/2008/QĐ-BNN ngày 15 tháng 10 năm 2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Đến năm 2010, diện tích canh tác rau đạt 2.874 ha, tăng 41,9%, diện tích gieo

trồng rau các loại là 13.000 ha, tăng 40,8%, năng suất trung bình đạt 22 tấn/ha, tăng 15,8%, sản lượng đạt 289.900 tấn/năm, tăng 64,4%, doanh thu trung bình đạt 200 triệu đồng/ha/năm, tăng 117% so với năm 2006 (Phụ lục 1).

1.2. Về chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật:

Công tác chuyển giao tiến bộ kỹ thuật được ngành nông nghiệp phối hợp với chính quyền địa phương, các đoàn thể và đặc biệt có sự tham gia của các doanh nghiệp triển khai thực hiện. Nhiều hoạt động nghiên cứu và chuyển giao kỹ thuật sản xuất rau an toàn đã được ngành nông nghiệp triển khai và ứng dụng trong sản xuất có hiệu quả như: sử dụng giống lai F1 (rau ăn lá và ăn quả), chế phẩm BIMA chứa nấm đối kháng Trichoderma, phân bón vi sinh Azotobacterin, nghiên cứu nhân nuôi và sử dụng ong ký sinh trong phòng trị sâu hại, phòng trừ tuyến trùng hại rau; mô hình sử dụng giống lai F1, mô hình sản xuất rau muống nước an toàn, mô hình trồng rau mầm; mô hình cơ giới hóa... đã góp phần rất lớn cho việc đẩy mạnh phát triển diện tích rau an toàn, góp phần nâng cao năng suất và hiệu quả kinh tế.

Trung tâm Quản lý và Kiểm định giống cây trồng, vật nuôi đã thử nghiệm tính thích nghi 107 giống rau và khuyến cáo, chuyển giao cho nông dân sử dụng 31 giống rau mới. Việc chuyển giao các giống rau mới cùng với áp dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác thích hợp đã góp phần nâng cao năng suất và hiệu quả kinh tế cho người trồng rau. Diện tích sản xuất rau có sử dụng giống F1 tăng từ 2.748 ha (chiếm 32,2%) năm 2005 lên 9.785 ha (chiếm 75,3%) năm 2010.

Trung tâm Công nghệ sinh học đã nghiên cứu và sản xuất các chế phẩm sinh học BIMA, phân bón lá BIO trùn quế phục vụ cho canh tác rau theo hướng hữu cơ sinh học.

Trung tâm Khuyến nông đã đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, tập huấn, xây dựng mô hình đã nâng cao được nhận thức của người nông dân về việc sử dụng phân bón tiết kiệm, hợp lý, sử dụng phân bón có nguồn gốc sinh học: đã hỗ trợ 98 máy các loại gồm máy xới trung, máy xới mini, máy phun thuốc bảo vệ thực vật. Kết quả, hiện nay tổng số máy xới, máy phun thuốc lên tới 117 máy (nông dân tự mua 19 máy); máy xới tay BL550 thay thế được 4 lao động thủ công trong khâu làm đất, mỗi năm tiết kiệm được hơn 20 triệu/ha, với máy phun thuốc tiết kiệm được 2 triệu/ha/vụ rau.

Chi Cục Bảo vệ thực vật đã thực hiện nhiều hoạt động tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn nông dân sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo nguyên tắc “4 đúng”, khuyến cáo nông dân sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học, đến cuối năm

2010 đã có 43,2% nông dân có sử dụng thuốc bảo vệ thực vật nguồn gốc sinh học trong sản xuất rau. Các hoạt động trên đã góp phần làm giảm tỷ lệ hộ nông dân vi phạm các quy định về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật: từ 0,6% năm 2006 giảm còn 0,23% năm 2010.

1.3. Phát triển kinh tế tập thể và xúc tiến thương mại:

Đến cuối năm 2010 toàn thành phố có 9 Hợp tác xã và 33 Tổ hợp tác sản xuất rau an toàn, tăng 6 Hợp tác xã và 10 Tổ hợp tác so với năm 2006. Một số Hợp tác xã, Tổ hợp tác hoạt động có hiệu quả cao như Hợp tác xã Phước An, Hợp tác xã Ngã Ba Giòng và Hợp tác xã Thổ Việt, Liên tổ Rau an toàn Tân Trung. Bình quân mỗi Hợp tác xã có 68 xã viên và 412 triệu đồng vốn điều lệ.

Thực hiện chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp với chương trình hỗ trợ lãi vay theo Quyết định số 105/2006/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2006 và Quyết định số 15/2009/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố góp phần đẩy mạnh quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, chuyển đổi từ cây trồng có hiệu quả thấp sang cây trồng có hiệu quả cao hơn. Đến năm 2010, tổng số hộ vay: 166 hộ, tổng số vốn đầu tư: 16.099 triệu đồng, tổng số vốn vay được hỗ trợ lãi suất: 15.214 triệu đồng.

Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ nông nghiệp đã tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại để hỗ trợ cho các đơn vị sản xuất, kinh doanh rau an toàn tham gia hội chợ, triển lãm và ký kết các hợp đồng tiêu thụ rau, quả an toàn. Đến nay, có 24 hợp đồng tiêu thụ rau giữa các Hợp tác xã và các doanh nghiệp đã được ký kết, bình quân tiêu thụ 2.500 tấn rau, quả/tháng. Ngoài ra, còn thiết kế logo và đăng ký nhãn hiệu hàng hóa cho các Hợp tác xã rau an toàn; thiết kế được 33 website cho các Hợp tác xã và tổ chức sản xuất, kinh doanh rau an toàn.

1.4. Công tác kiểm tra chất lượng rau an toàn:

Chi Cục Bảo vệ thực vật đã phối hợp với các quận, huyện, phường, xã, thị trấn, Ban quản lý các chợ đầu mối, các cơ quan chức năng tổ chức kiểm tra dư lượng thuốc bảo vệ thực vật bằng phương pháp phân tích nhanh (GT- Test kit của Thái Lan) tại vùng sản xuất, kinh doanh rau. Kết quả sau 5 năm, tỷ lệ mẫu rau phát hiện dương tính với GT- Test kit và số mẫu có dư lượng thuốc trừ sâu vượt mức cho phép giảm dần qua các năm. Tại vùng sản xuất, tỷ lệ mẫu phát hiện dương tính ở mức thấp (1,4%/năm); tại các khu vực kinh doanh rau, tỷ lệ mẫu có phản ứng dương tính giảm từ 1,7% năm 2005 còn 0,98% năm 2010; phân tích định lượng các mẫu dương tính tại

vùng sản xuất, kinh doanh rau năm 2010, không phát hiện các mẫu rau có dư lượng thuốc bảo vệ thực vật vượt mức cho phép.

2. Đánh giá kết quả thực hiện:

2.1. Mặt làm được:

Chương trình rau an toàn trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010 đã được ngành nông nghiệp cùng với các quận, huyện, các đoàn thể và các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh rau an toàn phối hợp thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp; so với năm 2006, diện tích gieo trồng, sản lượng, giá trị sản xuất, doanh thu rau an toàn năm 2010 đều tăng nhanh, cụ thể: diện tích gieo trồng tăng 45,2%, sản lượng tăng 64,4%, doanh thu tăng 117%, giá trị sản xuất rau tăng 76% (từ 607,99 tỷ đồng lên 1.070,18 tỷ đồng), góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp.

Nhiều hoạt động đào tạo, tập huấn, xây dựng mô hình, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật sản xuất rau an toàn được thực hiện có hiệu quả, góp phần nâng cao nhận thức của người dân trong việc sản xuất ra sản phẩm an toàn và nâng cao nhận thức tiêu thụ sản phẩm an toàn của người tiêu dùng; công tác kiểm tra chất lượng rau an toàn cũng được ngành nông nghiệp quan tâm bước đầu thực hiện có hiệu quả, tỷ lệ mẫu rau phản ứng dương tính với phân tích nhanh (GT-Test kit của Thái Lan) đã giảm từ 2,3% năm 2005 xuống còn 1,07% năm 2010.

2.2. Mặt hạn chế:

Diện tích canh tác rau an toàn trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010 chưa đạt mục tiêu chương trình đề ra. Nguyên nhân do chịu ảnh hưởng của thời tiết bất thường; giá cả vật tư đầu vào biến động; giá cả đầu ra chưa ổn định; chính sách hỗ trợ sản xuất tiêu thụ rau an toàn chưa đồng bộ, chưa khuyến khích người dân mở rộng diện tích; năng lực cạnh tranh sản phẩm rau an toàn chưa cao do sản phẩm chưa đa dạng, sản phẩm rau được chứng nhận an toàn chưa có sự phân biệt rõ trên thị trường; trình độ, năng lực của cán bộ quản lý một số Hợp tác xã và tổ hợp tác còn yếu, chưa định hướng, chưa có kế hoạch sản xuất cụ thể; công tác chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật còn chậm.

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN RAU AN TOÀN GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

1. Một số thuận lợi, khó khăn tác động đến phát triển rau an toàn trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015:

1.1. Những mặt thuận lợi:

- Thành phố đã ban hành chủ trương, chính sách nhằm thúc đẩy phát triển nông nghiệp, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của thành phố nói chung và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nói riêng, đẩy nhanh công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn 2010 - 2020.

- Cơ sở hạ tầng nông thôn được quan tâm đầu tư ngày càng hoàn chỉnh, đồng bộ, điều kiện sản xuất và sinh hoạt của người nông dân ngày càng được nâng cao.

- Kinh nghiệm trong tổ chức triển khai thực hiện chương trình rau an toàn giai đoạn 2006 - 2010, nhất là trong công tác quản lý sản xuất và kiểm tra, giám sát vệ sinh an toàn thực phẩm trên rau.

- Thành phố có nhiều đơn vị, tổ chức nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ, dịch vụ về giống, vật tư chuyên ngành.

- Quan hệ sản xuất tiếp tục được củng cố, xu hướng hợp tác, liên kết trong tổ chức sản xuất và tiêu thụ nông sản ngày càng phát triển; xuất hiện nhiều mô hình tiêu biểu, hiệu quả cao trong sản xuất nông nghiệp.

1.2. Những khó khăn:

- Cơ sở hạ tầng một số vùng sản xuất chưa hoàn chỉnh, chưa đồng bộ.

- Quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ, manh mún nên hạn chế áp dụng cơ giới vào sản xuất trong khi lao động nông nghiệp ngày càng khan hiếm, chi phí thuê lao động liên tục tăng.

- Diễn biến bất thường của thời tiết; giá cả các loại nguyên liệu đầu vào như phân bón, thuốc bảo vệ thực vật,... luôn biến động; thị trường tiêu thụ chưa ổn định ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất rau.

- Chuỗi liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ rau mới hình thành, chưa chặt chẽ; hệ thống tiếp thị còn nhiều hạn chế.

2. Mục tiêu:

2.1. Mục tiêu chung:

- Phát triển mở rộng diện tích gieo trồng rau an toàn, góp phần thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, kinh tế nông thôn và chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo quy hoạch; phát triển nông nghiệp thành phố theo hướng nông nghiệp đô thị

hiện đại, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, ổn định, bền vững; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai dịch bệnh.

- Phát triển rau an toàn trên địa bàn thành phố nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống nông dân.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Mở rộng diện tích rau an toàn trên địa bàn thành phố, phấn đấu đến năm 2015 diện tích gieo trồng rau đạt 15.000 ha, năng suất đạt 25 tấn/ha, sản lượng đạt 375.000 tấn, giá trị sản xuất đạt trên 220 triệu đồng/ha/năm, trong đó trên 90% các tổ chức, cá nhân tại các vùng sản xuất rau an toàn tập trung đảm bảo đủ điều kiện sản xuất, sơ chế sản phẩm rau, quả an toàn phù hợp VietGAP.

- 100% diện tích sản xuất rau tại các Hợp tác xã, Tổ hợp tác được chứng nhận rau VietGAP; 100% xã có sản xuất rau thực hiện chương trình nông thôn mới có mô hình sản xuất rau được chứng nhận VietGAP.

- Xây dựng được chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ rau an toàn được kiểm tra giám sát, đảm bảo chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Xây dựng được vùng sản xuất rau chuyên canh, tập trung đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, kết hợp đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, nông thôn.

3. Nhiệm vụ:

- Mở rộng diện tích rau an toàn giai đoạn 2011 - 2015

Bảng 1: Kế hoạch phát triển rau giai đoạn 2011 - 2015

Chi tiêu	2011	2012	2013	2014	2015
Diện tích canh tác (ha)	3.200	3.700	4.200	4.900	5.630
Diện tích gieo trồng (ha)	13.284	13.700	14.200	14.700	15.000
Diện tích rau an toàn (ha)	13.000	13.400	13.800	14.300	14.600
Năng suất (tấn/ha)	23,6	23,6	24	24,5	25
Sản lượng (tấn)	280.280	323.320	340.800	360.150	375.000

Bảng 2: Kế hoạch phát triển rau của các quận, huyện
giai đoạn 2011 - 2015

Năm	Củ Chi	Bình Chánh	Hóc Môn	Khác	Tổng	Tăng
2011	6.400	4.200	1.300	1.384	13.284	
2012	6.700	4.250	1.300	1.450	13.700	416
2013	7.000	4.400	1.300	1.500	14.200	500
2014	7.300	4.450	1.300	1.650	14.700	500
2015	7.500	4.500	1.300	1.491	15.000	300

- Ứng dụng công nghệ sinh học và các biện pháp kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất và sơ chế rau nhằm mục đích tăng năng suất, giảm giá thành sản phẩm rau.

- Tăng diện tích rau được chứng nhận VietGAP: Đến năm 2015, trên 90% các tổ chức, cá nhân tại các vùng sản xuất rau an toàn tập trung đảm bảo đủ điều kiện sản xuất, sơ chế sản phẩm rau, quả an toàn phù hợp VietGAP.

- Tổ chức kiểm tra, kiểm soát chất lượng rau tiêu thụ trên địa bàn thành phố, đảm bảo 100% sản phẩm rau đạt chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại đảm bảo tất cả sản phẩm rau VietGAP có thị trường tiêu thụ ổn định.

4. Các giải pháp thực hiện:

4.1. Giải pháp về quy hoạch vùng sản xuất rau và đầu tư cơ sở hạ tầng:

- Quy hoạch chi tiết các vùng sản xuất rau tập trung đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, có sản lượng lớn theo Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Công bố công khai quy hoạch chi tiết các vùng sản xuất rau tập trung đến các cấp chính quyền và người dân biết để thực hiện.

- Tập trung đầu tư hoàn chỉnh đồng bộ các công trình hạ tầng cơ sở về thủy lợi, giao thông nông thôn, điện,... phục vụ sản xuất nông nghiệp, nông thôn, nhất là các xã thực hiện chương trình nông thôn mới.

4.2. Giải pháp về đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước trong công tác kiểm tra chất lượng rau an toàn:

- Đẩy mạnh công tác tập huấn và chứng nhận sản xuất, kinh doanh rau an toàn theo quy trình thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP), thực hành sản xuất tốt (GMPs), hệ thống phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn (HACCP),... cho các hộ nông dân, các cơ sở sản xuất, kinh doanh rau an toàn trên địa bàn thành phố kết hợp tuyên truyền, phổ biến các quy định của nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Đào tạo nâng cao trình độ cán bộ thực hiện công tác thanh, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm trên rau.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát về chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm trên rau trong quá trình sản xuất và lưu thông trên địa bàn thành phố, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

- Rà soát các văn bản pháp luật của ngành, các tiêu chuẩn chất lượng trên rau để điều chỉnh, bổ sung kịp thời.

4.3. Giải pháp về chính sách:

- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai các chính sách hỗ trợ đầu tư vùng sản xuất, sơ chế, chế biến và bảo quản sản phẩm rau an toàn trên địa bàn thành phố theo Quyết định số 107/2008/QĐ-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, chế biến và tiêu thụ rau quả, chè an toàn đến năm 2015.

- Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất áp dụng chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản theo Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ; chính sách hỗ trợ nông dân theo Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về khuyến nông đối với phát triển rau an toàn.

- Tiếp tục nghiên cứu để bổ sung, điều chỉnh cơ chế, chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, phát triển nông nghiệp đô thị; chính sách ứng dụng cơ giới hóa, khuyến nông, ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất rau an toàn.

4.4. Giải pháp về đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật:

- Giống:

+ Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về giống đảm bảo kiểm soát được giống rau cả về chủng loại, số lượng và chất lượng; đồng thời tăng cường công tác khuyến nông về chuyển giao các giống mới vào sản xuất.

+ Thực hiện tốt công tác phục tráng các giống rau địa phương có năng suất và chất lượng cao.

+ Đẩy mạnh công tác chuyên giao, ứng dụng một số giống rau mới có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và đa dạng hóa chủng loại rau cung cấp cho thị trường thành phố.

- Kỹ thuật canh tác:

+ Tiếp tục đẩy mạnh tập huấn kết hợp xây dựng và nhân rộng mô hình sản xuất sử dụng các loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học, mô hình rau an toàn tại các xã có sản xuất rau, nhất là các xã thực hiện chương trình nông thôn mới trên địa bàn thành phố.

+ Ứng dụng các biện pháp tưới nước tiết kiệm nhằm thay đổi tập quán canh tác truyền thống sang ứng dụng các biện pháp kỹ thuật tổng hợp để nâng cao hiệu quả sử dụng nước.

+ Ứng dụng các kỹ thuật canh tác hiệu quả cao: nhà lưới, trồng rau trên giá thể, thủy canh,...

- Tiến bộ khoa học kỹ thuật khác:

+ Đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất, sơ chế, bảo quản rau an toàn: máy xới đất, máy phun thuốc, hệ thống tưới,...

+ Nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp để giảm tổn thất sau thu hoạch như: thời gian thu hoạch, quy trình bao gói sản phẩm, vật liệu bảo gói, quy trình bảo quản...

4.5. Giải pháp về phát triển kinh tế tập thể và xúc tiến thương mại:

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền về chủ trương, chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố.

- Củng cố và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, tiêu thụ, khuyến khích phát triển kinh tế trang trại và các loại hình doanh nghiệp nông nghiệp, nông thôn.

- Xây dựng các chuỗi sản xuất, tiêu thụ rau an toàn, phát triển mối liên kết giữa người sản xuất với các kênh tiêu thụ sản phẩm, đảm bảo sản phẩm được tiêu thụ kịp thời và quyền lợi các bên.

- Tổ chức công tác thông tin truyền thông, quảng bá sản phẩm, xúc tiến thương

mại và tiêu thụ rau an toàn; duy trì và nâng cấp hoạt động các trang website thông tin về nông nghiệp; xây dựng thương hiệu rau an toàn; tổ chức các hội chợ, hội thi, triển lãm sản phẩm nông nghiệp.

- Tập trung cải thiện và nâng cao hiệu quả các kênh tiêu thụ sản phẩm rau an toàn nhằm tăng sản lượng tiêu thụ rau, quả của các Hợp tác xã, Tổ hợp tác; từng bước nâng tỷ lệ rau tiêu thụ qua các doanh nghiệp, Hợp tác xã, Siêu thị.

- Xây dựng và khai thác có hiệu quả hệ thống thông tin thị trường nông sản, nối mạng với các chợ đầu mối, các tổ chức kinh doanh, các tổ chức giao dịch nông sản; tạo điều kiện và phát triển hoạt động tư vấn, hỗ trợ nông dân trong công tác xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm rau an toàn.

5. Các chương trình, dự án, đề án đầu tư:

5.1. Dự án phục tráng một số giống rau địa phương; thử nghiệm và chuyển giao các giống rau có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất:

- Mục tiêu:

+ Phục tráng các giống rau đặc sản có giá trị kinh tế cao như: giống cải xanh, cải ngọt của Bình Chánh; giống khổ qua, cà chua của Hóc Môn,...

+ Nhằm ứng dụng, chuyển giao kịp thời các giống rau mới chất lượng cao phục vụ cho nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp của thành phố, nâng cao hiệu quả sản xuất rau, đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp. Mỗi năm chuyển giao 4 - 5 giống rau cho nông dân.

- Nội dung:

+ Phục tráng 07 giống rau địa phương gồm 02 giống dưa leo, 01 giống cà chua, 01 giống ớt, 01 giống khổ qua, 01 giống cải ngọt, 01 giống cải xanh.

+ Thử nghiệm tính thích nghi các giống rau mới.

+ Xây dựng các mô hình trình diễn, hội thảo nhằm giới thiệu giống mới.

+ Tập huấn, chuyển giao giống rau có năng suất, chất lượng cao cho nông dân.

- Thời gian thực hiện: từ năm 2011 đến năm 2015.

- Tổng kinh phí: 6 tỷ đồng.

- Cơ quan quản lý: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Trung tâm Quản lý và Kiểm định giống cây trồng - vật nuôi.

- Đơn vị phối hợp: Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao, Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Miền Nam, Trường Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh, các công ty sản xuất giống cây trồng, Trung tâm Khuyến nông, Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ nông nghiệp, Trung tâm Công nghệ sinh học, Chi cục Bảo vệ thực vật.

5.2. Đề án đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất rau an toàn phù hợp sản xuất nông nghiệp đô thị:

- Mục tiêu: Ứng dụng các kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất rau an toàn nhằm giảm chi phí sản xuất, tiết kiệm công lao động, giảm giá thành sản phẩm và tăng hiệu quả kinh tế.

- Nội dung:

+ Nhân rộng các mô hình cơ giới hóa trong sản xuất rau an toàn.

+ Ứng dụng các biện pháp phòng trừ sinh học trong phòng trừ sinh vật hại: nhân nuôi, phóng thích các loài thiên địch có ích.

+ Ứng dụng các kỹ thuật canh tác theo hướng hiện đại: Trồng rau thủy canh, trồng rau trên giá thể,...

- Thời gian thực hiện: Từ năm 2011 đến năm 2015.

- Tổng kinh phí: 5 tỷ đồng.

- Cơ quan quản lý: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Trung tâm Khuyến nông.

- Đơn vị phối hợp: Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao, Sở Khoa học và Công nghệ, Viện Cơ điện nông nghiệp và sau thu hoạch, Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Miền Nam, Chi cục Bảo vệ thực vật, Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ nông nghiệp.

5.3. Dự án nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sơ chế, bảo quản, chế biến rau nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch:

- Mục tiêu: Nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong sơ chế, bảo quản, chế biến nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch, nâng cao hiệu quả sản xuất và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Nội dung:

+ Nghiên cứu và ứng dụng các vật liệu trong bao gói sản phẩm.

+ Nghiên cứu các sản phẩm chế biến từ rau, quả phục vụ thị trường nội địa.

- Thời gian thực hiện: Từ năm 2011 đến năm 2015.
- Tổng kinh phí: 3 tỷ đồng.
- Cơ quan quản lý: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Đơn vị chủ trì thực hiện: Chi Cục Phát triển nông thôn.
- Đơn vị phối hợp: Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao, Sở Khoa học và Công nghệ, Saigon Co.op, Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ nông nghiệp, Trung tâm Công nghệ sinh học, các doanh nghiệp kinh doanh, chế biến rau, quả.

5.4. Đề án phát triển sản xuất rau an toàn tại các xã nông thôn mới trên địa bàn thành phố:

- Mục tiêu: Mở rộng diện tích, nâng cao năng suất và giá trị sản xuất rau an toàn trên địa bàn các xã nông thôn mới của thành phố, phấn đấu đến năm 2015 năng suất rau tại các xã nông thôn mới đạt trên 25 tấn/ha, giá trị sản xuất đạt trên 250 triệu đồng/ha/năm; 100% diện tích sản xuất rau tại các Hợp tác xã, Tổ hợp tác và vùng sản xuất rau an toàn tập trung của các xã nông thôn mới được chứng nhận rau VietGAP; 100% xã thực hiện chương trình nông thôn mới có sản xuất rau có mô hình sản xuất rau được chứng nhận VietGAP.

- Nội dung:

+ Xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất rau an toàn tại các xã nông thôn mới có sản xuất rau.

+ Ứng dụng công nghệ sinh học và các biện pháp kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất rau tại các xã thực hiện chương trình nông thôn mới.

+ Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại đảm bảo tất cả sản phẩm rau VietGAP tại các xã thực hiện chương trình nông thôn mới được tiêu thụ ổn định.

- Thời gian thực hiện: Từ năm 2011 đến năm 2015.
- Tổng kinh phí: 6 tỷ đồng.
- Cơ quan quản lý: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Đơn vị chủ trì thực hiện: Chi Cục Bảo vệ thực vật.
- Đơn vị phối hợp: Trung tâm Khuyến nông, Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ nông nghiệp, Trung tâm Công nghệ sinh học, Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Miền Nam, Trường Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh, các công ty sản xuất giống cây trồng.

5.5. Chương trình tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chất lượng rau, quả trên địa bàn thành phố:

- Mục tiêu: Thực hiện có hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát chất lượng rau, quả trên địa bàn thành phố nhằm góp phần bảo vệ sức khỏe cho người tiêu dùng.

- Nội dung:

+ Hàng năm giám sát và thống kê bộ thuốc bảo vệ thực vật nông dân sử dụng trên rau.

+ Tổ chức lấy mẫu kiểm tra tồn dư độc chất trong rau, quả.

+ Tổ chức thực hiện kiểm tra tồn dư độc chất trên rau, quả.

+ Tổ chức thực hiện kiểm tra an toàn thực phẩm trên rau theo các quy định hiện hành.

+ Tăng cường công tác quản lý nhà nước trong thanh, kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các sản phẩm không đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm.

+ Đầu tư hệ thống sắc ký quang phổ (ít nhất từ 2 - 4 bộ) cho phòng thử nghiệm thuốc bảo vệ thực vật.

- Thời gian thực hiện: Từ năm 2011 đến năm 2015.

- Tổng kinh phí: 6 tỷ đồng.

- Cơ quan quản lý: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Chi cục Bảo vệ thực vật.

- Đơn vị phối hợp: Sở Y tế, Sở Công Thương, Chi Cục Quản lý thị trường, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Quản lý và kinh doanh chợ đầu mối nông sản thực phẩm Bình Điền, Hóc Môn, Thủ Đức.

5.6. Chương trình sản xuất và ứng dụng các chế phẩm sinh học phục vụ sản xuất rau an toàn:

- Mục tiêu: Sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ sản xuất rau an toàn nhằm giảm chi phí đầu vào, nâng cao năng suất, giá trị sản phẩm và góp phần nâng cao chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Nội dung:

+ Sản xuất và ứng dụng các chế phẩm sinh học phục vụ sản xuất rau an toàn trên địa bàn thành phố.

- + Hướng dẫn nông dân sử dụng các chế phẩm sinh học.
- Thời gian thực hiện: Từ năm 2011 đến năm 2015.
- Tổng kinh phí: 2 tỷ đồng.
- Cơ quan quản lý: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Đơn vị chủ trì thực hiện: Trung tâm Công nghệ sinh học.
- Đơn vị phối hợp: Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao, Sở Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh, các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

5.7. Đề án xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu rau an toàn thành phố Hồ Chí Minh:

- Mục tiêu:
 - + Xây dựng mối liên kết giữa sản xuất và tiêu thụ rau an toàn, đảm bảo 70% sản lượng rau có hợp đồng tiêu thụ ổn định.
 - + Tổ chức lại hệ thống phân phối, lưu thông, tiêu thụ rau an toàn trên địa bàn thành phố, đảm bảo 100% các siêu thị và các chợ đều kinh doanh rau an toàn.
 - + Xây dựng thương hiệu rau an toàn của thành phố.
- Nội dung:
 - + Xây dựng chính sách gắn kết giữa người sản xuất với các đơn vị thu mua rau an toàn; tổ chức ký kết các hợp đồng tiêu thụ rau an toàn trên địa bàn thành phố.
 - + Xây dựng thí điểm 03 mô hình Hợp tác xã kinh doanh rau an toàn tại 03 chợ đầu mối nông sản trên địa bàn thành phố.
 - + Phối hợp với Sở Công Thương, Ban Quản lý các chợ đầu mối nông sản xây dựng thương hiệu “chợ kinh doanh rau, quả an toàn”.
 - + Hỗ trợ và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất và hộ nông dân tham gia, giới thiệu sản phẩm tại các hội chợ, triển lãm,...
- Thời gian thực hiện: Từ năm 2011 đến năm 2015.
- Tổng kinh phí: 1,5 tỷ đồng.
- Cơ quan quản lý: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Đơn vị chủ trì thực hiện: Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ nông nghiệp.

- Đơn vị phối hợp: Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư, Saigon Co.op, Ban Quản lý các chợ đầu mối nông sản và các công ty, Siêu thị trên địa bàn thành phố.

5.8. Dự án đào tạo, huấn luyện nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:

- Mục tiêu: Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong việc tổ chức sản xuất và tiêu thụ rau an toàn, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, góp phần phát triển sản xuất rau an toàn bền vững.

- Nội dung:

+ Đào tạo, huấn luyện cán bộ quản lý Hợp tác xã, Tổ hợp tác sản xuất, kinh doanh rau an toàn.

+ Đào tạo nghề cho lao động nông thôn cho các xã thực hiện nông thôn mới trên địa bàn thành phố.

- Thời gian thực hiện: Từ năm 2011 đến năm 2015.

- Tổng kinh phí: 3 tỷ đồng.

- Đơn vị thực hiện: Trường Trung cấp kỹ thuật nông nghiệp.

- Đơn vị phối hợp: Trung tâm Khuyến nông, Chi Cục Bảo vệ thực vật, Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ nông nghiệp, Chi Cục Phát triển nông thôn.

6. Tổ chức thực hiện:

6.1. Thời gian thực hiện: Từ năm 2011 đến năm 2015.

6.2. Thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu phát triển rau an toàn giai đoạn 2011 - 2015:

- Trưởng ban: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

- Phó ban: Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, lãnh đạo các Sở, ngành có liên quan.

- Các Ủy viên: Lãnh đạo các quận, huyện có sản xuất rau.

6.3. Cơ quan thường trực: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

6.4. Cơ quan, đơn vị thực hiện:

- Ủy ban nhân dân các quận, huyện, xã, phường có sản xuất rau.

- Các doanh nghiệp, Hộ nông dân, Hợp tác xã, liên Tổ, Tổ hợp tác.

- Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

6.5. Các cơ quan phối hợp:

- Các Sở, ngành liên quan: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ, Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao,...

- Các đoàn thể: Hội Nông dân thành phố, Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thành phố.

- Các trường Đại học, Viện nghiên cứu trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, công ty sản xuất, kinh doanh giống, vật tư nông nghiệp.

6.6. Tổ chức thực hiện:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

+ Phối hợp với các Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường và các quận, huyện có sản xuất rau tổ chức hướng dẫn, thực hiện quy hoạch, xác định cụ thể các vùng sản xuất rau theo từng giai đoạn phát triển.

+ Hướng dẫn các quận, huyện có sản xuất rau tổ chức lập và phê duyệt các quy hoạch chi tiết nói trên theo đúng quy định.

+ Xây dựng và triển khai các chương trình, dự án, đề án, kế hoạch hàng năm, 5 năm đảm bảo đạt được mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; tổ chức phổ biến, công khai cho các ngành, các cấp, các doanh nghiệp, hộ sản xuất, nông dân biết, thực hiện.

+ Phối hợp với các Sở, ngành có liên quan, các quận, huyện có sản xuất rau nghiên cứu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố ban hành hoặc điều chỉnh cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích để phát triển rau an toàn.

+ Định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố tiến độ thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển rau an toàn; đề xuất và tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện.

- Ủy ban nhân dân các quận, huyện có sản xuất rau:

+ Khẩn trương lập quy hoạch chi tiết các vùng sản xuất rau an toàn trên địa bàn quản lý theo Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt “Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”.

+ Tổ chức phổ biến, công khai các quy hoạch được phê duyệt, đồng thời chịu trách nhiệm quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phục vụ sản xuất rau an toàn.

+ Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển rau an toàn hàng năm trên địa bàn.

- Sở Công Thương:

Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định về kinh doanh rau, quả trên địa bàn thành phố; xây dựng và triển khai kế hoạch xây dựng thương hiệu “chợ kinh doanh rau, quả an toàn”.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các quận, huyện có liên quan: Cân đối, bố trí kế hoạch vốn hàng năm để thực hiện chương trình mục tiêu phát triển rau an toàn giai đoạn 2011 - 2015 được phê duyệt, đảm bảo nhiệm vụ mục tiêu phát triển rau an toàn trong từng thời kỳ kế hoạch, tiến độ đầu tư các chương trình, dự án, đề án.

- Hội Nông dân thành phố: Chỉ đạo các cấp hội cơ sở tích cực phối hợp với ngành nông nghiệp và địa phương tuyên truyền, phổ biến, vận động nông dân và các doanh nghiệp kinh doanh tham gia thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển rau an toàn giai đoạn 2011 - 2015./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trung Tín

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

Giá: 14.000 đồng